

được Thái Bình ở chung quanh Thượng Hải, sau tử trận, một viên tướng Anh, C.G Gordon lên thay, trong ba năm thắng lợi liên tiếp, lấy lại được 50 thị trấn cho Mãn Thanh.

Năm 1864, quân Tăng Quốc Phiên chiếm được Nam Kinh. Hồng Tú Toàn tự tử. Sau đó Tăng và Lý (Hồng Chương) mất hai năm mới quét hết được Thái Bình thiên quốc. Thái Bình đã tung hoành được 15 năm qua 16 tỉnh, chiếm được 600 thị trấn, rốt cuộc thất bại vì dở tổ chức, không biết cai trị, nắm vững miền đã chiếm, vì nội bộ lũng củng, nhất là vì đã thất nhân tâm, muốn hủy bỏ hết truyền thống dân tộc.

Nhưng ảnh hưởng của Thái Bình rất lớn, làm cho người Hán có tinh thần dân tộc trở lại, tin ở sức mạnh của mình. Chính cuộc chiến của Hồng Tú Toàn là bước đầu đưa tới cuộc cách mạng Tân Hợi (1911) nửa thế kỷ sau, cho dân tộc Trung Hoa một ý niệm về sự nam nữ bình quyền, về chế độ cộng sản trước khi có cuộc cách mạng 1917 của Nga. Từ Tần Thủy Hoàng, bảy giờ mới lại có cuộc cách mạng thật sự (révolution) để thay đổi hẳn một chế độ chứ không phải chỉ để thay đổi một triều đại. Vì vậy mà Tôn Văn, và cả Mao Trạch Đông đều phục Hồng Tú Toàn, chê Tăng Quốc Phiên, Lý Hồng Chương là tội nhân của dân tộc. Ngược lại cũng có người như Tưởng Giới Thạch chê Hồng là gậy rối, chà đạp truyền thống, làm suy nhược nhà Thanh trong khi Thanh phải đương đầu với thực dân Tây phương, và khen Tăng, Lý là sáng suốt. Vương Nghi, tác giả *Trung Quốc Cận đại sử*, bảo còn phải nghiên cứu nhiều sử liệu lắm rồi mới có thể đưa ra một phán đoán khách quan được, hiện nay những sử liệu đó chưa gom góp được đủ.

Có điều này đáng cho ta để ý : Trong tất cả các cuộc nổi dậy của nông dân mà thất bại chỉ Thái Bình thiên quốc được chép thành một bộ truyện chương hồi, như vậy đủ biết tình dân tộc Trung Hoa phục phong trào phản Thanh đó ra sao.

- *Loạn Niệm và Hồi giáo.*

Khi Thái Bình chiếm được Nam Kinh rồi tiến lên phương Bắc thì đảng Niệm cũng nổi lên ở phía tây Vân Hà, trong khoảng từ sông Hoàng Hà tới sông Hoài, tại bốn tỉnh Giang Tây, An Huy, Hà Nam và Sơn Đông. Đảng đó là một hội kín như Bạch Liên giáo. Mấy năm đầu thập kỉ 1850, miền đó bị lụt, dân đói, thấy Thanh suy, không phục tông triều đình nữa, liên kết với Thái Bình, cùng để tóc dài, tung hoành một thời nhưng không chiếm được một thị trấn nào quan trọng, không lập được một chính phủ, sau bị Tăng Quốc Phiên bao vây và dẹp được năm 1868.

Đồng thời, Thanh bị thêm nạn Hồi giáo ở Vân Nam. Từ thời nhà Nguyên, Hồi giáo đã cắm rễ khá sâu ở Tây Bắc và Tây Nam Trung Hoa. Ở Vân Nam, thiểu số Hồi giáo thường gây với thổ dân khác đạo, nhất là từ khi vùng đó khai thác các mỏ đồng, thiếc, thì mỗi tranh chấp càng tăng. Quan lại Vân Nam vừa ít vừa bất lực, không dẹp được. Thanh đình cũng phải quân tới.

Ở Thiểm Tây và Cam Túc Hồi giáo cũng dấy lên, Thanh đình đem quân tới, năm 1873 dẹp được rồi lập thành tỉnh Tân Cương, di dân lên lập ấp, một số nhỏ là thương nhân, một số nữa là quân nhân, đa số là nông dân. Nhưng vì miền đó xa xôi, giao thông bất tiện, nên số dân tới nay vẫn còn thưa thớt.

Sau cùng ở Quý Châu, rợ Miêu lại nổi loạn như thời Càn Long, 18 năm mới dẹp được, dẹp xong thì Quý Châu bị tàn phá, gần như không còn gì.

- Hậu quả của những cuộc nổi loạn đó là số dân giảm đi rất nhiều, vì bị giết, vì chết đói, vì lưu lạc.

Riêng loạn Thái Bình Thiên Quốc, một giáo sĩ Mi đoán là có 20 triệu người chết, một ngoại nhân khác đưa ra con số 50 triệu. Hạng ngoại nhân có ở các hương cảng, không biết tình hình nội địa, ước lượng quá thấp. Theo Vương Nghi (*sách đã dẫn*), nếu kể các loạn, Niệm, Hồi, Miêu ở Quý Châu nữa, kể cả nạn thổ phỉ cướp bóc ở khắp các tỉnh, nạn chết đói, chết vì bệnh dịch thì Trung Hoa đã mất đi một phần ba nhân khẩu, ít nhất là 100 triệu người. Hơn nạn hồng thủy, trong lịch sử Trung Hoa, chưa thời nào như vậy.

4. Chiến tranh nha phiến thứ nhì - Anh Pháp liên quân.

Điều ước Nam Kinh chẳng được nước nào theo đúng cả. Dân chúng Quảng Châu uất hận, tìm mọi cách phá, bắt người Anh phải ở ngoài thành, không cho về, do đó sinh xô xát. Thương nhân Anh dùng bọn buôn lậu Trung Hoa cho thuyền chúng treo cờ Anh để chở lên thuốc phiện vô bờ.

Năm 1856 một chiếc thuyền tên là Arron treo cờ Anh đến đậu ở bến Quảng Châu. Viên thủy sư Trung Hoa nghi là gian, lên thuyền khám, thấy có hai người Anh và mười ba thủy thủ đều là Tàu cả, bèn hạ chiếc cờ Anh liệng xuống sà, bắt giam mười ba người Tàu, viên công sứ Anh phản kháng với viên tuần phủ Quảng Đông là Diệp Danh Thám, bảo cử chỉ đó trái với điều ước Nam Kinh trong đó có khoản nói rằng Anh thương

đến buôn bán ở các bến đều được tự tiện, đòi trả 13 thủy thủ và phải xin lỗi.

Diệp Danh Thám chỉ thích vẽ, đọc sách, không quan tâm tới ngoại giao, đọc công văn của Anh, chỉ mỉm cười, cho việc đó chẳng quan trọng gì cả, bằng lòng trả 13 tên thủy thủ. Nhưng viên công sứ Anh còn buộc phải nghiêm trị viên thủy sư đã hạ cờ Anh, làm mất quốc thể Anh. Diệp cho như vậy là quá lớn, không trả thủy thủ nữa, không trả lời gì cả mà cũng không lo phòng bị, coi vụ đó như bỏ qua.

Khi nghe tiếng súng nổ vang trời, có tin rằng quân Anh đổ bộ lên, ông ta ngạc nhiên, hoảng hốt. Quân Anh đốt vài công sở của Trung Hoa rồi rút lui về chiến hạm, vì chưa có lệnh của chính phủ, mà quân lại ít quá, có chiếm được cũng không giữ nổi.

Nhân dân Quảng Châu tức giận, thấy quân Anh đi rồi, ủa ra phóng hỏa đốt hết các cơ sở, dinh thự của người Âu, thương quán Anh, Pháp, Mi đều bị hủy hết. Công sứ Anh bèn gửi thư về nước xin thêm binh bị để quyết chiến. Đồng thời, Pháp đương đòi bồi thường vì một giáo sĩ Pháp bị giết ở Quảng Tây, mà chưa được thỏa mãn, Vua Napaléon III thừa dịp đó để dương oai ở Đông Á, liền minh với Anh, phái binh tới Hương Cảng. Ít lâu sau, Mi và Nga cũng phái công sứ đến hội ở Hương Cảng, mong có dịp sẽ bắt Thanh đình phải sửa thương ước với họ.

Cuối năm 1857, liên quân Anh Pháp đánh Quảng Châu, Diệp Danh Thám thần nhiên lạ lùng, chẳng bàn tính gì với các võ quan dưới quyền, cũng chẳng thương thuyết với Anh, cứ ngồi chờ xem ra sao. “Súng nổ như hàng ngàn tiếng sấm, nhà cửa cháy rực trời”, dân chúng

chỉ chống cự được hai ngày, tới ngày thứ ba liên quân Anh Pháp chiếm được tất cả các đồn Trung Hoa.

Diệp Danh Thám bị bắt làm tù binh. Người Anh đem một chiếc kiệu tới rước ông, đưa vào khám Hương Cảng. Ông bận phẩm phục hoàng bào vào khám, không có vẻ gì buồn cho thân phận mình, cho tình cảnh quốc gia, lại tiếp tục vẽ, viết chữ - chữ ông rất đẹp - bọn Anh tranh nhau xin ông làm kỷ niệm. Nhà cầm quyền Hương Cảng thấy ông ta ngu, dại quá, không nỡ giết, mà ông chẳng có tội gì để đáng bỏ tù, sai ông qua Calcutta (Ấn Độ) với một tùy viên quân sự và ba người hầu của ông. Hai năm sau ông ta chết, người Anh đưa xác ông về Trung Hoa để được mai táng một cách trọng thể.

Năm sau hạm đội Anh và Pháp tiến lên phương Bắc, thành linh tấn công Thiên Tân, rồi tới pháo đài Đại Cổ. Để mất Thiên Tân thì Bắc Kinh khó giữ, Thanh đình hoảng hốt, vội phái một đại thần tới Thiên Tân nghị hòa.

Thanh ký riêng một điều ước Thiên Tân với Anh, một điều ước Thiên Tân nữa với Pháp (1858). Cả ba bên đều qui định với nhau rằng sau khi ký hạn một năm, nguyên thủ các nước phê chuẩn rồi thì sẽ trao đổi điều ước với nhau ở Bắc Kinh.

Nhưng Thanh đình muốn hủy điều ước, sai Tăng Cách Lâm Tấn, - viên tướng Mãn đã có công giữ Bắc Kinh trong vụ loạn Thái Bình - lại Đại Cổ xây cất đèn lũy, đắp đập chặn cửa biển, chờ đại bác và đưa những kị binh thiện chiến nhất tới.

Năm 1859, đúng hạn, công sứ Anh, Pháp đến để trao đổi điều ước, bị pháo đài bắn xuống, bốn chiếc

thuyền bị đạn chìm, số người tử thương khá nhiều. Điều ước Thiên Tân chưa thi hành đã bị xé.

Liên quân Anh Pháp lần này rút lui rồi tấn công trở lại mạnh, phá đập trên sông, đồn trên bờ⁽¹⁾ xông lên. Kị binh thiện chiến nhất của Thanh rấn ngăn họ, nhưng bị đại bác nã vào, từng đoàn từng đoàn “đổ như những bức tường”. Viên tướng Mãn tài nhất của nhà Thanh là Tăng Cách Lâm Tấn cũng phải đào tẩu. Mãn Thanh đành phải xin hòa, nhưng không chấp nhận những điều kiện họ cho là gắt quá của Anh Pháp, tiếp tục chiến đấu. Lúc đó liên quân đã tới ngoại thành Bắc Kinh rồi. Viên tướng bảo vệ kinh đô, phi ngựa ở mặt trận bị một viên đạn vào đầu té ngựa. Hàng ngũ rối loạn. Vua Hàm Phong kinh hoảng bỏ cung điện đi ra “tuần du mùa thu” ở Nhiệt Hà (Jéhal), sự thực là chạy trốn, giao trách nhiệm thương thuyết cho Cung thân vương, và năm 1860, điều ước Bắc Kinh được ký kết.

Điều ước này ký với Anh Pháp y hệt điều ước Thiên Tân năm trước mà chưa kịp thi hành, nghĩa là gồm những khoản thính dưới đây :

1. Công sứ của Anh, Pháp đều được tự do cư trú ở Bắc Kinh.

2. Các giáo sĩ Anh và Pháp được tự do truyền giáo trong nội địa Trung Hoa; nhân dân Anh, Pháp có tờ hộ chiếu thì được tự do du lịch trong nội địa Trung Hoa.

3. Mở thêm nhiều thương khố nữa : Ngưu Trang,

(1) Về chi tiết các chiến tranh giữa Trung Hoa và các nước Âu, Nhật... các bộ sử chép hơi khác nhau; chẳng hạn về điểm này, các bộ sử chữ Hán của tôi chép như vậy, còn Tsui Chi thì bảo chính nhà Thanh cho phá những đập đồn đá để “mời” Anh Pháp vào thương thuyết

Đặng Châu, Đài Loan, Viên Thủy, Triều Châu, Quỳnh Châu; đợi khi dẹp xong Thái Bình Thiên Quốc thì sẽ mở thêm ba nơi nữa trên bờ sông Dương Tử : Quan trọng nhất là Hán Khẩu...

4. Người dân Anh, Pháp mà phạm tội ở trên đất Trung Hoa thì do lãnh sự của họ xử, nếu có việc tranh tụng giữa người Trung Hoa với người Anh, hoặc với người Pháp thì quan lại Trung Quốc cùng xử lí với lãnh sự Anh hoặc Pháp.

Quyền đó gọi là quyền lãnh sự tài phán.

5. Sửa lại chế độ quan thuế : Quan thuế phải do chính phủ Trung Quốc cùng bàn rồi quyết định với công sứ Anh, Pháp.

Bây giờ (điều ước Bắc Kinh) thêm những khoản này nữa :

1. Mở thêm thương khẩu Thiên Tân.

2. Bồi thường cho Anh và Pháp mỗi nước 8.000.000 lạng bạc (trong điều ước Thiên Tân chỉ bồi thường cho Anh 4.000.000 lạng, cho Pháp 2.000.000 lạng thôi).

3. Cắt đất Cửu Long ở bờ đối diện với Hương Cảng, nhượng cho Anh. Điều ước Bắc Kinh thật tai hại cho Trung Quốc :

1. Điều ước tuy chỉ ký với Anh, Pháp, nhưng các nước khác cũng đòi được quyền ngang với Anh, Pháp, về việc buôn bán, truyền giáo, nhất là quyền lãnh sự tài phán, quyền này làm cho Trung Hoa mất chủ quyền tư pháp.

2. Vì được mở thêm non một chục thương khẩu nữa mà tư bản của liệt cường tự do xâm lược Trung Quốc.

3. Giáo sĩ được tự do truyền giáo, thường dân của

liệt cường có hộ chiếu được tự do du lịch trên lãnh thổ Trung Quốc, như vậy là họ tha hồ làm tình báo cho chính phủ họ.

4. Trung Quốc mất chủ quyền về quan thuế, thì công nghiệp, thương nghiệp bị phá hoại, kinh tế suy.

5. Một hậu quả bất ngờ nữa là số bạc của Trung Quốc chạy ra ngoại quốc nhiều quá (vì khoản bồi thường), thêm lễ kinh tế suy sụp, mà từ triều đình đến nhân dân đều nghèo, triều đình phải lạm phát giấy bạc, rồi vay tiền của ngoại quốc để trả nợ, mà vay của họ thì phải có gì bảo đảm, thế là phải nhượng họ những lợi này lợi nọ về kinh tế, cứ mỗi năm một số, riết rồi thành một thảm họa.

Nhà nước và dân chúng nghèo thêm, nhưng trái lại một số thương gia và một số trong giới trung lưu hợp tác với ngoại nhân, làm giàu rất mau, họ học những thói của người Âu, mở hội buôn, mở các xí nghiệp kinh doanh như người Âu, gởi con qua ngoại quốc học. Họ đại đa số ở miền các hải khẩu Đông Nam, từ Thượng Hải trở xuống đến Quảng Đông. Họ Âu hóa lần lần thành một giới bourgeois của Trung Quốc, cũng có tinh thần cải cách, cũng tin ở sự tiến bộ như hạng bourgeois Châu Âu sau cách mạng Pháp (1789), họ khác hẳn giai cấp sĩ, và đại diện chủ các triều trước. Họ so sánh những quan niệm của phương Tây và Trung Hoa, thấy Trung Hoa lạc hậu, và họ nảy ra ý làm cách mạng. Đa số những nhà cách mạng Trung Hoa một thế kỷ nay đều ở miền Nam (Quảng Đông, Phúc Kiến...), chính vì lẽ đó. Trái lại, từ Thượng Hải trở lên phía Bắc, dân chúng nghèo, ít học thủ cựu.

5. Nga nhẩy vô chia phần.

Nước Nga từ đầu thế kỷ XVIII, sau khi Đại đế

Pierre biến pháp, thành một cường quốc ở Bắc Âu, muốn tranh giành ảnh hưởng với các nước Tây Âu như Anh, Pháp; nhưng vì tiến sau hai nước này, mà cũng vì vị trí của non sông, không dễ gì kiếm được một lối thoát ra biển : Thoát ra Đại Tây Dương thì bị Anh chặn, thoát xuống Địa Trung Hải thì bị cả Anh lẫn Pháp chặn (eo biển Dardanelles bị họ kiểm soát), biển phía Bắc băng đóng quanh năm, chỉ còn một cách là ngoi qua phía Đông, vượt Sibérie mà ra Thái Bình Dương.

Khoảng giữa thế kỉ XVII, Nga đã tiến tới Hắc Long Giang bị Mãn Thanh chặn lại, hai bên ký với nhau điều ước Nertchinsk. Thời Đạo Quang nhân dịp Trung Hoa bị nội loạn và ngoại侮, Nga tìm cách lấn thêm đất của Trung Hoa. Năm 1847, Nga hoàng phái Mursvier qua Đông Sibérie, kinh doanh ở Viễn Đông. Mursvier lập thêm nhiều đồn doanh ở miền Hắc Long Giang, cấm cớ Nga, nhận đại làm thuộc địa của Nga, rồi yêu cầu Thanh đình định lại biên giới. Năm 1855, Thanh đương bối rối về loạn Thái Bình, Niêm, Hồi, vì yêu sách của Anh, nên thỏa mãn tất cả các điều Nga xin, và ký với họ điều ước Ái Huy, nhường cho họ phía Bắc Hắc Long Giang, lại cho họ được quản trị chung với mình miền đông Ô Tê Lí Giang (Ussuri).

. Năm 1860, Nga viện cớ đã làm trung gian giúp Thanh điều đình với Anh Pháp, xin được đền công, thêm vào điều ước Bắc Kinh 15 khoản nữa, mà những khoản chính sau đây :

1. Miền Đông Ô Tê Lí Giang cho tới bờ biển thuộc hẳn về Nga, chứ không phải của chung Nga và Trung Hoa.

2. Mở một nơi ở Tân Cương cho Nga lập thương điểm.

3. Thương nhân Nga được tự do ra vào Bắc Kinh.

Người Trung Hoa cho hai điều ước đó là nhục nhã nhất. Không tốn một viên đạn, không mất một tên lính mà Nga chiếm thêm được trên 2.000.000 dặm vuông, cổ kim chưa có trường hợp ngoại giao nào kỳ cục như vậy. Từ đó phía Bắc Trung Hoa bị Nga uy hiếp, sau này gây ra biết bao tai họa cho dân tộc Trung Hoa, hiện nay vẫn chưa chấm dứt.

. Đó là phía Đông Bắc, phía Tây Bắc Nga cũng dùng mảnh khoe mà xẻ được của Trung Hoa nhiều miền lớn.

Đầu đời Đạo Quang, ở Tân Cương, người Hồi nổi loạn, Nga nhân đó bắt Thanh phải định lại biên giới, và Thanh phải dâng họ trên 30.000 dặm vuông.

Tám chín năm sau, lại có loạn Hồi ở Thiểm Tây, Cam Túc, Nga lại buộc định lại biên giới, và mỗi lần như vậy, Nga lại xẻ được của Thanh một miếng.

Thấy dễ ăn quá, mà miếng nào cũng ngon cả, Nga lại càng thêm, năm 1871 (đời Đồng Trị), mặc dầu chẳng có loạn gì cả, Nga cũng viện cớ để duy trì sự trị an ở biên cảnh, tiến quân vào I Lê (I-Li), tuyên bố “tạm chiếm I Lê, đợi khi nào Thanh đình có đủ khả năng thống trị miền đó thì sẽ trả lại”. Nga tốt bụng, như vậy Thanh lấy lẽ gì mà từ chối ? Nhưng 7 năm sau 1878 - đời Quang Tự, Thanh đã bình định được Tân Cương rồi, xin Nga trả lại I Lê, Nga không chịu. Thanh phái một sứ thần qua Nga, Nga thần nhiên nuốt lời, bắt Thanh phải kí một điều ước gồm 18 khoản mà hai khoản chính là Thanh phải bồi thường quân phí

5.000.000 rúp (tiền Nga) cho Nga, và cắt nhường Nga miền phú nguyên duy nhất của I Lê. Từ Hi Thái Hậu lúc đó cầm quyền, không chịu, chuẩn bị chiến tranh với Nga. Lần này Anh đứng giữa điều đình (nên hiểu là ép Thanh phải nhường) và sau 6 tháng đàm phán hai bên ký điều ước I Lê ở kinh đô Nga :

. Trung Quốc phải bồi thường 9 triệu rúp quân phí cho Nga.

. Cắt nhường miền Tây I Lê cho Nga.

Vậy là bổng dưng Trung Hoa mất trên 660.000 dặm vuông ở biên cương Tây Bắc. Nga trả cho Thanh một khu đất ở phía Nam, nhưng lại đòi thêm bốn triệu rúp. Đây cũng vừa đấy.

Lạ lùng thay lũ cháu chắt của Khang Hi, Càn Long này đã tiêu tốn bao nhiêu công của mới làm chủ được miền Tây Bắc đó, bây giờ họ nhường lại cho Nga cai trị. Y như bọn con nhà giàu tới thời suy, vung phí của cải tổ tiên cho mau hết, không hề tiếc.

*

* *

5. Triều đình văn Thanh - Từ Hi Thái Hậu.

Đẹp được Thái Bình Thiên Quốc, loạn Niệm, Hôi là công của ba danh thần Hán : Tăng Quốc Phiên, Lí Hồng Chương và Tả Tôn Đường. Chính họ đã làm cho nhà Thanh phục hưng lại, nhưng không được trọng dụng, triều đình Thanh vẫn nghi kỵ họ; họ càng thành công thì bọn quý tộc Mãn càng ghen ghét. Cho nên họ chỉ được làm những chức trưởng quan ở địa phương. Ngay như Tăng Quốc Phiên cũng phải giữ ý, không

dám đưa ra một kế hoạch lớn để làm cho Thanh hùng cường lên. Đó là một nguyên nhân khiến cho Thanh không vượng lên được.

Ở triều đình họ không dám dùng người Hán có tài, mọi việc bọn vua chúa Mãn quyết định với nhau hết, mà bọn này đã “chẳng biết chút gì về tình hình dân chúng” (lời một đại thần quán cơ, gốc Mãn, tên là Văn Khánh), lại ít học, ngu dốt, càng mù tịt về tình hình thế giới.

Khi liên quân Anh Pháp vào Bắc Kinh, Hàm Phong trốn ở Nhiệt Hà, giao việc nước cho một người em (Cung Thân Vương). Ông ta là ông vua trác táng nhất đời Thanh, bẩm sinh vốn bạc nhược mà ngày đêm chìm đắm vào tửu sắc, năm sau chết ở Nhiệt Hà, mới khoảng 30 tuổi, ở ngôi được một năm.

Con ông mới 6 tuổi lên nối ngôi, niên hiệu Đồng Trị (1862-77) Hoàng Hậu vợ của Hàm Phong, Từ An không có con, Đồng Trị là con một cung phi, Từ Hi⁽¹⁾ của Hàm Phong, nhưng theo tục Trung Hoa, vẫn coi Từ An là mẹ lớn.

Hoàng tộc quyết định để cho hai bà đó “thùy liêm thính chính” (rủ mảnh mảnh mà nghe việc nước), nghĩa là cùng quyết định việc nước thay vua, cùng phụ chính. Cung Thân Vương và Văn Tường đều là người tốt, giúp ý kiến hai bà thái hậu đó.

Từ An Thái Hậu ít học, dòn hậu, có phẩm cách. Từ Hi học khá hơn, đọc viết được chữ Hán (triều đình dùng toàn chữ Hán, cả ngôn ngữ Hán nữa), thông minh, lanh lợi, rất có bản lĩnh, nhưng cũng rất nhiều tật :

(1) Từ An, Từ Hi đều là tên hiệu, họ là người Mãn, tên rất khó nhớ, nên chúng tôi không dùng

Ham quyền như Võ Hậu đời Đường, dâm dật, xa xỉ, để đạt được mục đích thì vô sở bất vi, tính tình bất thường, lúc thì hiền, rộng lượng, lúc thì tàn nhẫn vô cùng.

Mới đầu Từ Hi chỉ là một cung tần, nhờ hát hay, khéo nịnh được Hàm Phong yêu, rồi có con, từ đó sinh ra hách dịch, độc tài, Hàm Phong biết trước rằng Từ Hi sau này sẽ là một tai họa cho nhà Thanh nên trước khi chết để di chúc lại bảo phải giết đi, nhưng viên thái giám, Lí Liên Anh, cho Từ Hi hay rồi hủy di chúc liền, từ đó thành sủng thần của Từ Hi, tham ô, làm loạn trong cung.

Mới đầu Từ An thái hậu và Từ Hi thái hậu cùng thính chính, nhưng lần lần Từ Hi lấn Từ An, quyết định mọi việc, Từ An hiền hậu, nhượng bộ nhiều lần. Năm 1872, Đồng Trị 18 tuổi, hai bà tính lập hậu (cưới vợ) cho ông rồi sẽ thôi không thính chính nữa.

Đồng Trị không ưa mẹ đẻ mà quý Từ An thái hậu, lựa người Từ An đề nghị tên là A Lỗ Đặc, gạt bỏ người Từ Hi giới thiệu. Do đó mà Từ Hi thù cả Đồng Trị lẫn Từ An.

Từ Hi cấm Đồng Trị ăn nằm với A Lỗ Đặc, người ông ta mến vì hiền đức, mà bắt phải ăn nằm với một cung phi tên là Phong, ông ta cương quyết không chịu, có lẽ do đó mà sinh ra chán nản, đau khổ, thường cùng với một vài hoạn quan ban đêm trốn ra khỏi cấm thành, đi chơi phố phường, có lần sáng về trễ, không kịp buổi triều. Hai năm sau ông chết, sử chép là do bệnh “Thiên hoa” (bệnh lên đậu), nhưng dân gian đều xúng do bệnh hoa liễu. Ông chết rồi, A Lỗ Đặc khổ sở, Từ Hi bắt bà phải tự tử để không được làm thái hậu mà “thính chính” trong đời vua sau.

Đồng Trị không có con, Từ Hi lựa một đứa cháu trong hoàng tộc, mới bốn tuổi, em con chú của Đồng Trị, đưa lên ngôi để dễ thao túng.

Hồi này Thái hậu Từ An đã bị Từ Hi đầu độc chỉ vì bà bắt gặp một nhà sư trong phòng ngủ của Từ Hi. Bà nổi cơn đau bụng rồi chết thành linh, năm giờ sau không một người nào hay.

Quang Tự bốn tuổi vào cung, bị Từ Hi quản thúc chặt chẽ quá, hóa ra khiếm nhược. Lương Khải Siêu trong tập “*Mậu Tuất chính biến ký*” bảo không có một em bé nào như cậu. Năm tuổi lên ngôi vua, lên ngôi rồi thì không một người nào - ngay cả mẹ nữa - được phép lại gần trừ mỗi một người là Từ Hi, mà Từ Hi thì kiêu xa dâm dật, có ngó ngang gì tới cậu cháu. Ăn cũng một mình. Món ăn la liệt trên bàn, nhưng già nửa đã thiu rồi, vì những món hôm trước ăn không hết, hôm sau dọn lại, món ăn được thì đặt xa quá với không tới, thành thử có bữa ăn không no mà không dám nói với ai. Vì Từ Hi rất dữ, mỗi chút là quát tháo, đánh đập nữa, hoặc bắt quì cả mấy giờ. Bà ta “luyện vua” cho tới mức sợ bà như sợ cọp, bảo gì cũng phải nghe. Lớn lên vua Quang Tự mỗi ngày phải vô thính an bà một lần, mà thính an thì phải quì, cho phép đứng dậy mới đứng.

Thái giám Lí Liên Anh cũng ăn hiếp Quang Tự nữa, tàn nhẫn vô cùng. Hắn là một tên kép, rất đẹp trai, hát rất hay, được Từ Hi sủng ái, tới mức hắn nói gì, bà ta cũng nghe, hắn tự phụ, tự coi là ngang với bà. Đình thần sợ hắn như sợ bà vậy. Quang Tự có một quý phi rất hiền, trung thành với ông, ông rất quý mến, Lí Liên Anh ghét nàng, xô nàng xuống giếng, một

hoạn quan thủ hạ của hấn, liệng đá xuống lấp giếng, Quang Tự không dám nói gì cả.

Sau vụ Mậu Tuất chính biến (coi ở sau), Quang Tự bị giam trong một phòng bẩn thỉu, ăn không được no, mặc không đủ ấm, chịu nhục nhã tới khi chết, một phần cũng là do Lí Liên Anh, hấn rất ghét nhóm Khang, Lương mà Quang Tự tin cậy, dùng để duy tân Trung Quốc. Cũng chính hấn khuyên Từ Hi dùng bọn quyền phi để diệt người da trắng, do đó mà liên quân tám nước vào phá Bắc Kinh. Tới lúc đó thì ai cũng biết nhà Thanh sắp sụp đổ, vì hai nạn ngoại thích và hoạn quan một lúc. Uy tín Trung Quốc không còn gì cả.

Nhưng cũng có học giả Âu khen Từ Hi vào hạng nữ hoàng Catherine của Nga, có tài cai trị, biết tin dùng người Hán, chỉ phải cái tội ít học, nên lạc hậu, không tiến theo kịp thời đại. Lời khen đó có phần quá đáng. Bà tin bọn Tăng Quốc Phiên, Lí Hồng Chương thật, nhưng chỉ cho họ nắm quân đội, tài chính và việc cai trị ở các tỉnh thôi, mà triều đình vẫn hủ bại, hậu quả là “ngoài nặng trong nhẹ”, quyền cai trị ở ngoài các tỉnh lần lần qua tay người Hán, họ mạnh lên; còn quyền thống trị của người Mãn ở trong (triều đình) nhẹ dần, khiến cho Mãn Thanh dễ bị diệt vong.

- *Cuộc vận động tự cường.*

Trước chiến tranh nha phiến, Mãn Thanh tự hào là Thiên triều đại quốc, coi các nước Tây phương là ngoại di, không thêm để ý tới. Sau khi Liên quân Anh - Pháp tới Bắc Kinh, buộc phải ký điều ước nhục nhã với họ, Thanh mới chịu nhận rằng bọn ngoại di đó mạnh hơn mình nhiều, và muốn chống cự với họ thì phải có tàu bè như họ, súng ống như họ, quân đội phải

luyện tập theo lối của họ - Vài người Mãn như Cung Thân vương, Quế Lương nghĩ tới việc tự cường bàn với Tăng Quốc Phiên, Lí Hồng Chương, Tả Tôn Đường. Họ đồng ý với nhau rằng “muốn tự cường thì việc luyện binh là quan trọng nhất, mà muốn luyện binh thì trước hết phải chế tạo khí giới”. Năm 1862 họ giao cho Lí Hồng Chương thi hành.

Trong khoảng năm mươi năm sau, Lí lập Đông văn quán (tìm hiểu nghiên cứu học thuật phương Tây), Quảng phương ngôn quán (dạy ngôn ngữ phương Tây). Chế pháo cực, thuyền xưởng, Thủy quân, Thuyền chánh học đường, Cơ Khí cực, xây pháo đài theo kiểu Tây phương ở Đại Cổ, khai mỏ, khai xưởng dệt, mở điện báo cực ở một số tỉnh...

Tăng và Lí tiếp xúc với Ung Wing một sinh viên nghèo ở Ma Cao du học sinh đầu tiên ở Mỹ, do một hội truyền giáo trợ cấp, năm 1854 đậu bằng cấp Đại học Yale. Tăng phái Ung Wing qua Mĩ mua máy. Ông thuyết phục Tăng gởi 120 thanh niên đa số gốc ở Quảng Châu, qua Âu Mĩ học mười lăm năm rồi về giúp nước. Một số lớn qua Mĩ⁽¹⁾ ba chục người sang Anh, ba chục qua Pháp, một số nhỏ qua Đức.

Phong trào tự cường đó tiến chậm, chủ yếu là nhấm vào việc quốc phòng thôi, chưa phải là một cuộc cải cách lớn. Vậy mà bọn thủ cựu đã nổi lên phản đối, cho Lí Hồng Chương là Hán gian, theo Tây phương là làm cho Trung Quốc hóa ra di địch. Họ họp thành một phe không bao giờ bàn tới học thuật Tây phương, tự cho mình là thanh cao. Dân gian thì đại đa số vẫn cày cấy

(1) Nhóm đầu tiên qua năm 1872 có vài nhà Nho theo dạy cho họ Tứ Thư và Ngũ Kinh

để kiếm cơm ăn, việc nước không hề biết tới. Chỉ có mỗi một người sáng suốt là Wong Tao⁽¹⁾ học giỏi chữ Hán, rồi ngoài hai chục tuổi, trong khoảng từ 1840 đến 1860 giúp việc cho nhà in của một hội truyền giáo Anh ở Thượng Hải. Bị nghi ngờ là tiếp xúc với Thái Bình Thiên Quốc, ông ta phải trốn qua Hương Cảng, giúp James Legge dịch Tứ Thư và Ngũ Kinh rồi qua ở Scotland (Tô Cách Lan) hai năm với Legge. Khi trở về Hương Cảng ông xuất bản một nhật báo riêng, sau hợp tác với một tờ báo của người Anh ở Thượng Hải nữa (1872). Ông cảnh cáo nhà cầm quyền rằng công cuộc tự cường không có kết quả được vì chỉ trị ngọn chứ không trị gốc. Phải thay đổi cả chế độ mới được. Nhưng thời đó cơ hồ không ai hiểu ông, mãi tới gần cuối thế kỷ nhóm Khang - Lương nhờ đọc nhiều sách Âu Tây dịch ra tiếng Trung Hoa mới nhận Wang có lí, còn triều đình Thanh thì vẫn ngoan cố, phải đợi đến thua Nhật năm 1894-95, rồi Liên quân tám nước vào đập phá cung điện ở Bắc Kinh (1901) mới miễn cưỡng nhượng bộ phe duy tân một chút.

Trong khi đó, công việc duy tân ở Nhật tiến rất mau, chỉ từ 1872 đến 1900 đã theo kịp Âu Mỹ, năm 1905 thắng được một nước bạch chủng là Nga. Sử gia Mỹ Eberhard bảo như vậy là nhờ từ mấy thế kỷ trước Nhật đã có một giai cấp tư bản bourgeois (tức thương nhân) “cộng sinh” với giai cấp chư hầu (feudataire) lớn, giai cấp trên (bourgeois) để chuyển qua chế độ tư bản, còn giai cấp sau biến thành bọn đế quốc kiểu Âu.

(1) Về Ung Wing và Wang Tao tên dùng tài liệu trong East Asia - The Modern Transformation của Đại Học Harvard, các bộ sử chữ Hán của tôi có không nói tới

Có thể đó là một lý do quan trọng. Lý do chính là Minh Trị Thiên Hoàng sáng suốt, nhiệt tâm vì quốc gia dân tộc, còn Từ Hi thái hậu chỉ nghĩ đến quyền lợi riêng : Bà ta lấy số tiền dự tính đóng chiến hạm theo kiểu Âu để sửa sang Di Hòa viên làm nơi tĩnh dưỡng cho bà lúc về già.

7. Trung Hoa bị xâu xé

Người da trắng thấy họ ra uy lần nào là thắng lợi mỹ mãn lần đó, thắng lợi một cách quá dễ dàng, nên họ càng hăng hái xâu xé anh “khổng lồ” da vàng, một thị trường lớn hơn Ấn Độ, cả về diện tích, tài nguyên và dân số. Rõ ra một cảnh thi đua. Mỗi nước nhắm trước một khu rồi cùng nhau “nhào vô”. Họ ganh nhau, coi chừng nhau, dùng cả mọi cách, tìm mọi cơ hội để bành trướng thế lực trên đất nước người Hán. Nhanh chân nhất vẫn là Anh và Pháp. Họ làm việc rất có kế hoạch : kiếm những miếng lớn và dễ ăn nhất cướp hốt các phiên thuộc của Trung Hoa. Chính sách phiên thuộc có từ đời Chu. Vua Chu chỉ bắt các phiên thuộc triều cống mình, nhận mình là thiên tử, thế thôi, không can thiệp đến nội chính của họ, bóc lột họ về kinh tế. Mà trong việc triều cống thì Trung Hoa thường “hậu vong bạc lai” nghĩa là không bắt phiên thuộc cống nhiều - mỗi sản phẩm một chút làm tượng trưng thôi - mà tiếp đãi họ thì hậu hĩnh, nuôi cả phái đoàn có khi cả trăm người hàng mấy tháng rồi khi họ về, lại tặng gấm vóc, vàng ngọc cho vua của họ, và cả cho họ nữa. Vì vậy trên thực tế, các phiên thuộc không lợi gì mấy cho Tàu. Cũng có thời Trung Hoa phái quan qua cai trị phiên thuộc và bọn quan đó cũng biết đục khoét, nhưng so với bọn thực dân da trắng thì còn kém xa; và nếu

dân phiên thuộc cương quyết chống họ, khởi nghĩa đuổi họ về, chém giết hàng vạn quân của họ, rồi lại xin thần phục thì vua họ cũng bỏ qua.

Nhưng trong thời đại xâm lược chủ nghĩa đế quốc thì phiên thuộc rất có ích về mặt quốc phòng và kinh tế, nên nước nào cũng lo bảo vệ. Trung Quốc đã không bảo vệ được chính lãnh thổ của họ thì làm sao bảo vệ được cho phiên thuộc, và các nước này nối tiếp nhau rơi vào tay các đế quốc da trắng. Một số phiên thuộc ở Tây Bắc đã rơi vào tay Nga rồi.

Bây giờ tới các phiên thuộc ở Nam và Tây Nam.

Trong số các nước này, *Việt Nam* có vị trí quan trọng nhất đối với Trung Quốc, vì đồng văn với Trung Quốc, che cửa phía Nam cho Trung Quốc. Cho nên khi Pháp chiếm trọn Nam Kỳ, Trung Kỳ, rồi muốn chiếm luôn cả Bắc Kỳ, hạ thành Hà Nội lần thứ nhất năm 1873, lần thứ nhì năm 1882, triều đình Huế cầu cứu với Trung Hoa thì ở Bắc Kỳ đã có dư đảng Thái Bình Thiên quốc, tức bọn Cờ Đen Lưu Vĩnh Phúc trốn qua từ trước. Trung Hoa cũng phải thêm bốn vạn quân các tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây qua giúp mình đánh Pháp. Pháp vừa chống cự ở Bắc Việt, vừa đem quân đánh Phúc Châu (tỉnh lỵ Phúc Kiến) và vây Đài Loan. Ở Phúc Châu, Trung Hoa thiệt hại nặng, ở Bắc Việt Pháp thắng vài nơi, nhưng trong trận Lạng Sơn, quân Pháp chết khá bọn, đại bại, tình hình chưa ngã ngũ, nhưng bên Pháp vẫn cương quyết đánh mà bên Trung Hoa thì còn bận về Triều Tiên, Tây Tạng, tài chánh thiếu hụt, ngại không muốn kéo dài chiến tranh nên 1885 Thanh đình ra lệnh cho Lí Hồng Chương ký hòa ước Thiên Tân với Patenôtre, công sứ Pháp ở Bắc Kinh.

Trung Hoa thừa nhận các điều ước đã ký kết giữa Việt và Pháp (nghĩa là nhận chủ quyền của Pháp tại Việt Nam) và khai thông biên cảnh Vân Nam (Mông Tự, Man Hoa) làm nơi thông thương.

Sông Hồng Hà thuộc Pháp rồi, Pháp dễ dàng xâm nhập vào miền Nam Trung Hoa. Trước đó, khi mới chiếm được Nam Kỳ, Cao Miên, Lào, Pháp cũng đã thám hiểm sông Cửu Long (Trung Hoa gọi là sông Mê Kông) để tìm đường xâm nhập vào Vân Nam, nhưng sông này nhiều thác lớn quá (như thác Khônê ở Hạ Lào) tới nay vẫn chưa dùng được.

• Miến Điện.

Miến thần thuộc Trung Quốc từ lâu, khi Anh chiếm được Ấn Độ (giữa thế kỷ XIX) rồi, thường xảy ra nhiều chuyện rắc rối giữa Anh và Miến. Năm 1882 vua Miến đài Pháp là tối huệ quốc, cho lập ngân hàng, khai mỏ, đặt đường sắt. Anh biết được hoảng sợ, năm 1885, nhân lúc Pháp bận chiến tranh với Trung Hoa, đem binh chiếm ngay Miến, bắt vua Miến đem giam ở Ấn Độ. Nhiều thổ ti Miến cầu cứu Trung Quốc, Thanh chỉ sai sứ sang Anh để kháng nghị. Anh chịu thay vua Miến nộp lễ cống cho Thanh, còn đất Miến thì Anh vẫn chiếm. Lại lung thay !

Nhưng năm sau, vì Thanh dụng dàu với Anh ở Tây Tạng, nên nhượng luôn Miến cho Anh, nhận chủ quyền của Anh ở Miến.

• Xiêm

Xiêm cũng là thuộc quốc của Trung Hoa. Từ đầu Minh, các vua Xiêm đều cung thuận; nhưng từ khi có loạn Thái Bình, Xiêm không vào cống nữa.

Nhờ vị trí là trái độn giữa Anh (Miến) và Pháp

(Việt Nam) mà Xiêm được độc lập. Anh cũng thêm sông Cửu Long lắm, nhưng Pháp đã chiếm Lào, Miên rồi, bảo sông đó thuộc về Việt Nam tức là về Pháp, Anh không tranh nữa. Xiêm khỏi nộp cống cho Trung Quốc và từ đó Xiêm, Hoa tuy cùng biên giới mà tuyệt nhiên không quan hệ gì với nhau.

- Tây Tạng

Làm chủ Ấn Độ rồi, Anh dòm ngó Tây Tạng, nhưng giữa Ấn và Tạng có ba nước Népal, Sikkim và Bhutan đều ở chân dãy núi Hi Mã Lạp Sơn, làm rào giậu cho Tạng.

Năm 1816, Népal bị Anh xâm lấn, Trung Quốc không cứu, nước ấy phải phụ thuộc vào Anh, nhưng vẫn 5 năm qua cống một lần.

Năm 1839, Anh dần dần lấn Sikkim ở sát Népal, làm đường xe lửa, Sikkim thành thuộc quốc của Anh.

Năm 1856, Bhutan bị Anh đánh thua, Bhutan phải cắt đất xin hòa.

Năm 1901, Trung, Anh, Ấn, Tạng cùng ký một điều ước định địa giới cho nhau. Tây Tạng còn nhiều bộ lạc phụ thuộc nữa, trước sau cũng bị Anh chinh phục.

8. Trung - Nhật chiến tranh.

Theo gót bộ ba Anh, Pháp, Nhật, thực dân da vàng Nhật cũng nhảy vào chia phần. Họ làm ăn thận trọng và có kế hoạch. Mới đầu để thử xem sự phản ứng của Thanh ra sao đã.

Ở Tây Nam nước Nhật có quần đảo Lưu Cầu, mà vua đã chịu Trung Quốc phong vương, rồi lại xin qui phục Nhật. Năm 1871, một nhóm người Lưu Cầu đi thuyền, gặp bão, trôi giạt đến Đài Loan, bị thổ dân

Đài Loan giết. Nhật đem việc đó trách Trung Quốc. Thanh đình muốn tránh sự lôi thôi, bảo thổ dân Đài Loan không chịu sự giáo hóa của nước mình, nghĩa là mình không chịu trách nhiệm về hành động của họ, coi họ không phải là dân của mình. Nhật Bản nắm ngay lấy cơ hội, đem binh đến đánh thổ dân Đài Loan, buộc Trung Quốc phải bồi thường binh phí 40 vạn lạng và cấp tuất cho nạn nhân 10 vạn lạng nữa, hiệp ước ký kết rồi Nhật mới chịu rút quân. Hai năm sau, họ chiếm luôn quần đảo Lưu Cầu, đặt thành một huyện (huyện Xung Thành, Okinawa) - Thanh phản đối, nhưng rồi cũng phải nhượng bộ.

Thấy nhà Thanh khiếp nhược, Nhật khinh thị Trung Quốc, tiến thêm bước nữa, lần này thì dòm ngó Triều Tiên mà cuối đời Minh, họ đã muốn chiếm rồi, nhà Minh mất năm năm, hao rất nhiều quân và tiền bạc mới đuổi được

Triều Tiên là phiên thuộc cố cựu và quan trọng nhất của Trung Hoa, che đỡ cho Trung Hoa ở phía đông bắc, văn hóa cao hơn Nhật, đầu đời Thanh đã đổi quốc hiệu là Hàn. Đời Đồng Trị, Quang Tự, vua chúa Triều Tiên tri thức hẹp hòi, cố giữ chính sách bế quan tỏa cảng, cự tuyệt mọi yêu cầu thông thương của các nước Âu Mỹ. Các nước này yêu cầu với Thanh. Thanh đình trả lời rằng không can dự vào nội chính Triều Tiên. Nhật thừa cơ hội đó, tìm cách gây hấn.

Năm 1875, Nhật mới duy tân được mấy năm mà đã dùng những chiếc tàu biển tối tân, ngược dòng sông đưa tới Hán Thành, kinh đô Triều Tiên cố ý gây chuyện. Quân trong đồn Triều Tiên có súng cản, viên thuyền trưởng Nhật tức thì phản kháng kịch liệt với nhà cầm

quyền Thanh. Thời đó mà Trung Hoa chưa có bộ Ngoại giao, mọi việc giao thiệp với nước ngoài đều giao cho Tổng lý nha môn (nghĩa là nha coi chung về mọi việc) mà nhân viên thường ít học.

Khi viên thuyền trưởng Nhật lại chất vấn, một nhân viên trong Nha môn đáp rằng Triều Tiên tuy là phiên thuộc của Trung Hoa thật, nhưng Trung Hoa không chịu trách nhiệm về vụ đó, vì đó là việc riêng của Triều Tiên.

Nhật dựa ngay vào lời đó để bắt Triều Tiên tự nhận rằng mình là một nước độc lập, và Nhật bắt Thanh đình phải chấp nhận sự độc lập của Triều Tiên. Lúc đó Tổng lý nha môn mới thấy mình hổ. Vậy là Nhật đã thắng được keo đầu, nhờ quỷ quyết, mà Thanh thì khờ khạo.

Qua ngày sau Nhật dùng chính sách “chia để trị”. Họ tìm cách chia rẽ nội bộ Triều Tiên. Triều Tiên cũng như Trung Hoa, có hai phe : Canh tân và thủ cựu. Nhật ủng hộ phe canh tân. Một tướng Nhật được Triều Tiên nhờ thành lập một đạo quân tân thức, viên tướng đó trong một vụ gây lộn bị chết. Vậy là Nhật có cớ để đem quân vô đóng ở kinh đô Triều Tiên. Năm 1884 bọn lính Nhật xúi phe canh tân nổi loạn, hoàng hậu Triều Tiên bị giết, Triều Tiên yêu cầu Trung Hoa đem quân qua dẹp loạn giùm. Quân Trung Hoa qua lập lại được trật tự.

Nhật bèn phản kháng Trung Hoa, nhắc Thanh đình rằng Triều Tiên độc lập, sao lại can thiệp vào nội bộ của họ. Nhật và Trung đình đình với nhau, cả hai đều rút quân về, hứa với nhau nếu Triều Tiên nhờ một nước nào giúp thì nước đó phải hỏi ý kiến nước kia

trước đã. Vậy là Nhật thắng được keo nhì : Bắt Trung Hoa phải dãi mình ngang hàng, chia quyền với mình ở Triều Tiên.

Năm 1894, đảng Đồng học (theo Khổng, Lão, Phật) nổi loạn, Triều Tiên cầu cứu Trung Quốc, Thanh vội vàng đem quân qua dẹp trong khi quân Nhật chưa lên đường. Nhật nổi giận, bảo Trung Quốc không giữ lời hứa. Tổng lý nha môn đáp rằng chỉ qua giúp Triều Tiên thôi chứ có làm gì đâu, và sẵn sàng rút quân ra khỏi Triều Tiên, nếu Nhật cũng rút quân về.

Nhật đã chuẩn bị chiến tranh từ mấy năm trước rồi, bây giờ tấn công quân Trung Hoa, đuổi ra khỏi Triều Tiên, rồi tiến cả vào đất Trung Hoa nữa trong khi hải quân Nhật đánh tan tành hạm đội Bắc dương của Thanh ở gần Uy Hải Vệ, tung hoành ở Hoàng Hải. Các nước Âu Mỹ ngạc nhiên, sao mà bọn “lùn” dễ mau cường thịnh như vậy được. Rồi Nhật chiếm luôn Lữ Thuận (quân cảng vào hạng nhất của Trung Hoa) bán đảo Liêu Đông, đưa hạm đội xuống Nam chiếm đảo Bành Hồ, tức Đài Loan.

Thanh đình hoảng hốt, xin điều đình. Tháng 3 năm 1895 điều ước Mã Quan (Shimoneseiki) được ký kết giữa Lí Hồng Chương và Y Đằng Bắc Văn (Nhật) Trung Hoa phải thừa nhận :

1. Thừa nhận Hàn Quốc (Triều Tiên) độc lập, thoát li khỏi Trung Quốc.

2. Cắt nhượng cho Nhật nam bộ Phụng Thiên (từ cửa sông Áp Lục đến cửa sông Liêu), và bán đảo Liêu Đông, nhượng thêm Nhật đảo Đài Loan, đảo Bành Hồ ở phía Tây Đài Loan, và các đảo phụ thuộc.

3. Bồi thường 200.000.000 lạng quân phí cho Nhật,

tạm thời Nhật chiếm Uy Hải Vệ, đợi Trung Hoa trả đủ bồi khoản rồi sẽ triệt thoái.

4. Bỏ hết các điều ước bất bình đẳng từ trước giữa Trung Hoa và Nhật.

5. Người Nhật được lập công xưởng ở các thương khẩu, các hóa vật Nhật chế tạo được hưởng điều kiện tối huệ quốc về thuế khóa.

Khoản 1 tước mất phiên thuộc cuối cùng còn lại của Trung Quốc. Khoản 2 đau xót nhất, như cắt mất khuỷu tay (Liêu Đông) của họ. Khoản 5 rất tai hại cho kinh tế Trung Hoa; Nhật rồi các nước khác nữa cũng sẽ đòi được như Nhật, mà hóa phẩm Trung Quốc tạo ra không sao cạnh tranh được với hóa phẩm của họ, dân chúng mất một nguồn lợi lớn hơn nguồn lợi về quan thuế nữa.

Nhân dân Đài Loan muốn tự chủ, không chịu thuộc về Nhật, lập Đài Loan dân chủ quốc, cử một viên tuần phủ làm tổng thống, quân Nhật đến đánh, Tổng binh là Lưu Vĩnh Phúc (Cờ đen) giữ miền Nam được ít tháng rồi toàn đảo bị Nhật chiếm.

Ba nước can thiệp vào Liêu Đông.

Với đủ lông cánh mà Nhật hăng quá, nên các cường quốc Âu đâm ngại. Lí Hồng Chương khôn khéo, một mặt cùng với Nhật đàm phán, một mặt thông cáo 5 khoản kể trên cho các công sứ Âu ở Bắc Kinh biết, mong rằng họ sẽ can thiệp để ngăn Nhật khuếch trương thế lực, nếu không sẽ bất lợi cho họ.

Nước hăng hái can thiệp nhất là Nga, Nga đương muốn tìm một lối thông qua Thái Bình Dương. Họ đã chiếm được cảng Hải Sâm Uy (Vlodivostok) rồi, nhưng cảng đó gần suốt năm đóng băng, rất bất tiện, lại dễ

bị quân Nhật uy hiếp, nên họ tiến xuống phía Nam, có ý dòm ngó Đông Tam Tỉnh, tức ba tỉnh ở phía Đông Bắc Trung Quốc : Tỉnh Phụng Thiên (bán đảo Liêu Đông), tỉnh Cát Lâm và tỉnh Hắc Long Giang. Nay Nhật phồng tay trên một phần bán đảo Liêu Đông, làm hỏng kế hoạch của Nga, nên Nga quyết tâm can thiệp. Lúc đó Nga và Pháp đồng sinh với nhau, nên Pháp nhận ủng hộ Nga, Đức, kỹ nghệ phát triển mạnh, cũng đương tìm thị trường hoặc một đất thực dân, nên sẵn sàng đứng về phía Nga, Pháp đã gây thế lực, giúp họ phen này, sau họ sẽ giúp lại. Chỉ có Anh là không ưa Nga, có lẽ mong cho Nhật chiếm Liêu Đông để cản trở Nga, nên đứng ngoài.

Rốt cuộc ba nước Nga, Pháp, Đức cùng đưa ra kháng nghị. Riêng Nga tích cực chuẩn bị chiến tranh với Nhật. Nhật tuy thắng nhưng cũng đã hao tổn nhiều, tự xét không sao chống cự nổi với ba nước lớn đó, nên đành nhượng bộ : Trả lại Liêu Đông cho Trung Hoa và Trung Hoa phải bồi thường cho Nhật 30 triệu lạng.

Thanh đình và dân Trung Quốc mừng rỡ, còn Nhật thì căm Nga, âm thầm tìm cơ hội trả thù, gây ra nhiều chuyện rắc rối sau này.

Tóm lại, tới đây bao nhiêu phiên thuộc của Trung Hoa bị các cường quốc chiếm hết. Trung Hoa bị vây khắp bốn mặt : Phía Bắc là Nga, phía Tây và Nam là Anh, Pháp, phía Đông, dọc bờ biển từ Nam tới Bắc là Anh, Pháp và Nhật (coi bản đồ tr.253bis) trong tiết sau, chúng ta sẽ thấy liệt cường bè nhau “qua phân” Trung Quốc ra sao.

9. Liệt cường qua phân Trung Quốc.

Sau vụ Nga can thiệp vào bán đảo Liêu Đông,

Thanh đình cảm kích Nga vô cùng, quên hết vụ bị Nga ức hiếp ở Hắc Long Giang và I Lê trước kia, mà coi Nga là bạn thân. Vì tài chánh vô cùng quẫn bách Thanh hỏi vay tiền của nước ngoài, không nước nào chịu. Nga lại ban ơn cho lần nữa, đứng ra bảo đảm cho nhà Thanh vay được 40.000.000 quan Pháp của Pháp Nga ngân hàng. Nga khuyên Trung Quốc kết đồng minh với mình, như vậy mới chống nổi Nhật, vì thế nào Nhật cũng trở lại uy hiếp một lần nữa. Năm 1896, nhân có lễ gia miện (đăng quang) của Nga hoàng Nicolas II, công sứ Nga thuyết phục Thanh phái Lí Hồng Chương qua mừng, nhân tiện hai nước ký mật ước với nhau :

- Nếu Nhật xâm chiếm Nga, Trung Quốc, Triều Tiên thì Nga, Trung Quốc đem thủy lục quân giúp đỡ nhau, trong lúc chiến tranh, khi khẩn yếu, Trung Quốc cho binh thuyền Nga vào đậu ở các cửa biển của mình.

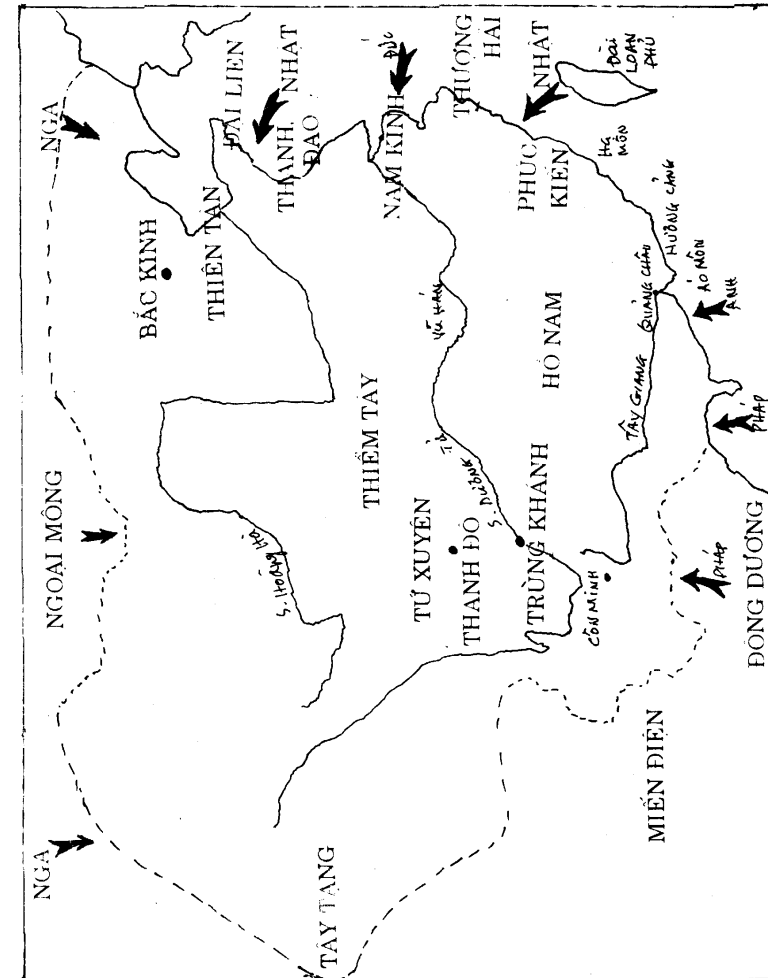
- Cho Nga làm con đường xe lửa ở Sibérie, đi ngang qua Hắc Long Giang, Cát Lâm đến Hải Sâm Uy, và dùng đường ấy chở binh lương, khí giới.

Sau 1897 lại ký thêm hiệp định nữa cho Nga :

- Đóng quân theo đường xe lửa đó.
- Khai thác các mỏ ở núi Trường Bạch tại Hắc Long Giang và Cát Lâm.
- Để sĩ quan Nga luyện binh ở Đông Tam Tỉnh cho.
- Trung Hoa có muốn làm đường xe lửa ở Đông Tam Tỉnh thì theo cách thức của Nga.

Như vậy là cả miền Đông Bắc Trung Hoa bị Nga khống chế. Nga thật thâm hiểm mà Thanh thật khờ khạo.

Bản đồ liệt cường xâm xé Trung Hoa
(Theo Fairbank trong East Asia)



Tuy là mật ước không tuyên bố mà liệt cường đều biết hết. Tức thì họ nhao nhao lên bắt Thanh phải cho họ thuê đất.

- Nhân có hai giáo sĩ Đức bị loạn dân giết ở Sơn Đông, Đức đem binh thuyền chiếm cứ Giao Châu Loan (1897); kết quả Thanh phải cho Đức thuê Giao Châu Loan trong 99 năm, cho Đức được quyền làm đường xe lửa từ Giao Châu Loan đến Tổ Nam (Thủ phủ của tỉnh Sơn Đông) và được khai các mỏ ở trong 30 dặm hai bên đường. Thế là tỉnh Sơn Đông thuộc phạm vi thế lực của Đức.

- Năm sau 1898, Anh cũng được Thanh cho thuê hải cảng Uy Hải Vệ trong 25 năm, rồi đất Cửu Long ở sau Hương Cảng trong 99 năm.

- Pháp đầu chịu lép, năm 1899, nhân có võ quan và giáo sĩ Pháp bị giết ở một huyện thuộc tỉnh Quảng Đông, Pháp đem binh thuyền vào Quảng Châu Loan, và Thanh phải cho họ thuê cũng 99 năm. Đã được làm đường xe lửa Lào Cai - Vân Nam rồi, Pháp lại xin làm đường xe lửa Quảng Tây - Trùng Khánh nữa.

- Nhật đã chiếm được Đài Loan rồi, tự cho rằng tỉnh Phúc Kiến thuộc phạm vi thế lực của mình, yêu cầu Thanh đình không được cho nước nào thuê đất ở đó.

- Ý chậm chân nhất, năm 1899 cũng đem hạm đội tới yêu cầu thuê ba hải khẩu ở tỉnh Chiết Giang, Thanh cự tuyệt. Ý gửi tới hậu thư, Thanh càng phần uất, quyết chiến. Anh cho Ý hay không nên dùng võ lực. Ý phải nghe lời, bèn lên rút hạm đội về.

Tóm lại, Trung Quốc không khác một miếng thịt trên thớt, mạnh ai nấy cắt xẻo; hoặc nói như chính

người Trung Hoa, như “một trái dưa, mạnh ai nấy xẻ” (qua phân).

Họ thuê đất mà còn bắt chủ đất ký giao kèo không cho nước khác thuê những miếng bên cạnh. Chẳng hạn, khi thuê Quảng Châu Loan, Pháp yêu cầu Thanh không được đem đảo Hải Nam và các tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam nhường nước nào khác. Anh cũng xin không được nhường các tỉnh hai bờ sông Dương Tử cho ai. Vậy là họ cắt xẻ Trung Hoa thành nhiều phạm vi thế lực (coi những mũi tên trên bản đồ trang 253) mà chính Trung Hoa gần như chẳng giữ được chủ quyền ở khu nào cả, ngoài những miền núi rừng xa xôi ở Tây và Tây Bắc. Trong lịch sử, chưa từng thấy vụ nào mà các nước đồng lõa với nhau để hút máu, rút xương nước khác một cách trắng tráo và có tổ chức như vậy. Bấy giờ Thanh đình mới thấy cái hại ký mật ước với Nga ra sao. Trung Quốc thành một bán thuộc địa, tệ hơn nữa, như Tôn Văn nói, thành nô lệ của liệt cường, chúng bắt sao phải làm vậy. ⁽¹⁾

- Mĩ (thời đó đã chiếm được Phi Luật Tân), ở Trung Hoa chỉ có ảnh hưởng về tài chánh, không có phạm vi thế lực, không có binh bị, thấy các nước kia hùng quá, sợ sẽ sinh ra xung đột, nên gửi thông điệp cho Anh, Pháp, Nga, Đức, Nhật, Ý, đề nghị :

. Các nước đã được phạm vi lợi ích, tô tá địa hoặc quyền lợi gì khác thì phần ai nấy giữ, không được can thiệp đến nhau.

. Trong thương cảng thuộc phạm vi các nước, hàng

(1) Cuối Thanh, sinh viên thường hát một bài mà câu cuối như sau :
“Chúng - Thanh đình - đòi làm chủ chúng ta mà chính chúng làm nô lệ cho ngoại nhân”

hóa nước khác đem vào phải tuân theo ngạch quan thuế hiện hành của Trung Quốc, và do Trung Quốc trưng thu.

. Trong thương cảng thuộc phạm vi các nước, đối với thuyền tàu nước khác vào, không được đánh thuế nhập khẩu cao hơn thuế suất đánh vào thuyền tàu nước mình; vận phí bằng xe lửa cũng vậy.

Chính sách đó người Trung Hoa gọi là : khai phóng môn hộ ⁽¹⁾ (mở các nơi cho các nước được chở hàng hóa vào bán), cơ hội đẳng quân (trừ quyền lợi các nước đã có rồi, sau có quyền lợi gì khác thì các nước được hưởng ngang nhau); bảo toàn lãnh thổ (giữ cho lãnh thổ được toàn vẹn).

Anh chấp thuận trước tiên rồi tới các nước khác chỉ trừ Nga là trả lời một cách mập mờ, lùng khùng. Trung Hoa mừng nhất.

C. NHÀ THANH SỤP ĐỔ

1. Vận động Duy Tân và chính biến Mậu Tuất (1898)

Sau vụ Trung Nhật chiến tranh, thấy một nước lớn như Trung Quốc mà bị một nước nhỏ xưa nay mình vẫn khinh thị là Nhật Bản đánh thua, kẻ sĩ có kiến thức hoảng hốt, thức tỉnh, nhận rằng công cuộc tự cường hơn hai chục năm không có kết quả gì cả, “thuyền vững, súng mạnh” không đủ để cứu nước, phải cải cách từ gốc, thay đổi chế độ, như Wang T’ae đã cảnh cáo

(1) Tiếng Anh là The open door policy

thì mới được. Nếu không canh tân chính trị, tổ chức lại triều đình, cải tạo phung phí trong xã hội, tinh thần của quốc dân, nếu không bỏ lối khoa cử cũ đi, tuyển quan lại theo một cách mới, thì không sao chống lại được với liệt cường. Do đó mà có cuộc vận động duy tân khắp trong nước.

Người đề xướng là Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu, đưa ra khẩu hiệu là “toàn biến, tốc biến” (thay đổi triệt để và mau).

Khang sinh năm 1858 ở tỉnh Quảng Đông (huyện Nam Hải) miền tiếp xúc nhiều với người Âu, có nhiều nhà cách mạng lớp mới. Gia đình ông mấy đời nổi tiếng về cụ học. Ông là con trưởng, người em thứ là Quảng Nhân cũng làm cách mạng. Ông rất thông minh, thâm cụ học, đậu tiến sĩ, nhưng rất chú ý tới thời cuộc, đọc nhiều sách phương Tây do người Nhật dịch, mở trường dạy học, thường họp bọn thanh niên, diễn thuyết về biến pháp. Ông đã nhiều lần dâng thư lên triều đình Mãn Thanh xin biến pháp, nhưng thư không tới tay vua.

Ngoài giờ dạy học ông trừ tác được nhiều; ba tác phẩm chính của ông là.

Tân học nguy kinh, nghiên cứu về các kinh của Khổng học mà ông cho là nguy tạo dưới đời Vương Mãng (nhà Tân đời Hán). Trong cuốn đó ông vạch ra những chỗ không đáng tin và bảo cái bực đó không thực là của Khổng tử.

Khổng Tử cải chế khảo, nghiên cứu về cuộc cải cách chế độ phong kiến của Khổng tử.

Đại đồng thư. Ông cho rằng nhân loại sắp bước vào thời đại đồng rồi, lúc đó mọi người sẽ bình đẳng,

ai cũng có lòng bác ái, coi thiên hạ vạn vật là một, không ai còn khổ não nữa; và để sửa soạn cho thời đại đó, ông đề nghị : Phá ranh giới giữa các quốc gia; bỏ chế độ giai cấp; bỏ quan niệm về chủng tộc; không phân biệt trai gái, nam nữ hoàn toàn bình đẳng, phá bỏ gia đình, bỏ tư sản; nông công thương không còn chủ và thợ nữa, những cái gì bất bình, bất đồng, bất công, trừ diệt.

Công việc khảo cứu của ông không vững, ông chủ quan quá, mà thuyết của đại đồng của ông pha Khổng, Phật và Tây học, nhiều người chê là không tưởng, nhưng ai cũng phải nhận ông có tư tưởng khác người, là một triết gia quan trọng thời Thanh mạt, mà tư cách của ông đáng trọng, công lao của ông với dân tộc đáng kể : Ông là người mở đường cho cuộc cách mạng Tân Hợi.

Trong nhóm môn đệ của ông có Lương Khải Siêu và Đàm Tự Đồng đa tài hơn cả. Lương cũng gốc ở Quảng Đông, là một nhà văn, nhà báo chứ không phải là một triết gia. Cũng rất thông minh, 17 tuổi đậu cử nhân, lên Bắc Kinh thi hội. Khi trở về, nghe tiếng Khang Hữu Vi, xin được yết kiến. Nghe Khang hùng hồn mạt sát cựu học là vô dụng, ông hoang mang, vừa thẹn vừa mừng, xin làm môn đệ Khang. Học với Khang được ba năm, rồi lên Bắc Kinh làm quen với Đàm Tự Đồng. Đàm đáng là một triết gia, có nhiều tư tưởng lạ và kịch liệt soạn cuốn *Nhân học* để phát huy thêm thuyết đại đồng của Khang. Đàm trọng dân mà khinh vua, ghét chế độ quân chủ chỉ ức hiếp dân, mà phục Hoàng Tôn Hi. Ông lại chê văn minh phương Tây là tự ti tự lợi, quá ham vật chất. Ông muốn dục cả Đông Tây vào một lò để tạo thế giới đại đồng. Rất tiếc ông

hi sinh cho cách mạng chết sớm (coi ở dưới) nếu không thì còn cố gắng hiến cho dân tộc Trung Hoa nhiều tư tưởng lạ nữa.

Năm 1895, buồn về nỗi Hoa thua Nhật, Lương Khải Siêu làm đại biểu cho một nhóm 190 cậu cử Quảng Đông lên kinh thi, dâng thư lên triều đình bàn về thời cuộc. Khang Hữu Vi cũng nhóm được 3.000 cậu cử khác dâng thư xin biến pháp, hai nhóm họp làm một. Từ thế kỉ XII, đời Nam Tống đến bấy giờ, trên bảy thế kỉ, mới lại thấy một phong trào học sinh dâng thỉnh nguyện lên vua. Lần đó, thỉnh nguyện của nhóm Khang, Lương không được chấp nhận.

Năm 1896, Khang dâng thư xin biến pháp nữa, lần này đạt được đến Quang Tự, nhờ một vị đại thần, thầy học cũ của Quang Tự.

Quang Tự lúc này đã thực sự cảm quyền. Từ Hi Thái hậu lui về nghỉ ở Di Hòa viên, dĩ nhiên vẫn theo dõi hành động của ông. Ông tuy sợ “Phật bà” - Từ Hi - như cọp, nhưng sáng suốt, nhiệt tâm muốn noi gương Minh Trị Thiên Hoàng và hoàng đế Pierre, cứu Trung Quốc, cho vờ Khang, Lương lên kinh bàn việc nước. Ông tiếp Khang, Lương suốt một buổi, 5-6 giờ liền, phong cho chức tước để cùng mưu việc biến pháp.

Đề nghị nào họ đưa ra Quang Tự cũng chấp nhận hết : Cải cách việc triều đình cho mới mẻ, bỏ lối văn bát cổ trong các khoa thi mà lấy môn luận về thời vụ thay vào, lập học hiệu, khuyến khích kẻ viết sách mới và kẻ chế khí cụ mới, bỏ những nha thự ít việc, luyện tập quân đội theo lối mới, trừ lập ngân hàng, làm đường xe lửa, khơi mỏ, mở nông và công nghiệp, lập hội buôn, mở rộng đường ngôn luận, cầu nhân tài...

Trong khoảng chưa đầy ba tháng, mà một trăm mấy chục đạo chiếu ban ra, làm cho cả trong triều lẫn ngoài tỉnh, mọi người xôn xao. Đúng là “toàn biến” và “tốc biến”.

Khang Hữu Vi biết rằng bọn cựu thần tất phản đối, nên khuyên vua đừng vội bỏ hết các nha môn, mà giữ hết bọn họ, cho họ các chức hầu, không mất lộc, vị. “Phật bà” ở Di Hòa Viên biết hết, không ưa trò biến pháp đó, bổ nhiệm một người về phe bà là Vinh Lộc, tổng đốc Trực Lệ làm thống lĩnh quân đội ở vùng Kinh kỳ để củng cố thế lực của bà. Vua Quang Tự cương quyết, bảo : “Không cho ra biến pháp thì giết ta còn hơn”.

Đàm Tự Đồng thấy Từ Hi cản trở công việc duy tân, khuyên Quang Tự đoạt lại chính quyền. Quang Tự nghe lời, triệu Viên Thế Khải, (học trò của Lý Hồng Chương trong việc đào tạo quân mới) lúc đó đương thống lĩnh 7.000 quân tâm phúc, về Bắc Kinh bàn việc, có ý dùng quân của Viên để bao vây Di Hòa Viên. Chẳng may việc đó tiết lộ (chính Viên phản vua, vì thấy Từ Hi còn mạnh), Từ Hi hay được, vội vàng từ Di Hòa Viên trở về Bắc Kinh, họp Quang Tự và các đại thần lại, bắt Quang Tự quì một bên, các đại thần quì một bên, trừng mắt, lớn tiếng mắng Quang Tự một cách tàn nhẫn : “Thiên hạ này là thiên hạ của tổ tiên, mày sao dám tự ý làm bậy ? Các quan đây đều do tao tuyển dụng trong nhiều năm để họ giúp mày, mày sao dám tự ý không dùng người ta ?... Rồi bà ta quay sang phía các đại thần mắng là bất lực, không tận tâm với quốc sự...”

Sau cùng bà tuyên bố rằng Quang Tự đau, bà phải

thỉnh chính trở lại, và đem giam Quang Tự ở Doanh Đài, trong hồ Tây Uyển. Vậy là cuộc biến pháp thành cuộc chính biến.

Bà ban lệnh cấm dân dâng thư, phế bỏ cục Quan Báo, đình chỉ việc lập học hiệu trung, tiểu ở các tỉnh, các huyện; dùng lại lối văn tám vế để lựa kẻ sĩ, bỏ khoa thi đặc biệt về kinh tế; bỏ các tổng cục nông công, thương, cấm báo quán, truy nã chủ bút, cấm hội họp, dùng lại các vũ khí cung đao...; tóm lại là chỉ trong một hai tuần toàn hủy, tốc hủy các canh tân của Quang Tự. Sự gọi vụ đó là “Chính biến Mậu Tuất” (1898); cũng gọi là vụ “duy tân 100 ngày”.

Khang Hữu Vi hay tin trước, trốn vào sứ quán Anh ở Thượng Hải rồi xuống Hương Cảng, qua Nhật Bản. Lương Khải Siêu, sau khi việc xảy ra mới trốn qua Nhật. Đàm Tự Đồng không chịu trốn, muốn lấy máu mình nuôi cách mạng, nên bị giết với năm người nữa : Khang Quảng Nhân, (em Khang Hữu Vi) Lưu Quang Đệ, Lâm Húc, Dương Nhuệ, Dương Thâm Tú, người bấy giờ gọi là “Lục quân tử” có ý sánh với lục quân tử thời Minh, tức sáu kẻ sĩ bị tên hoạn quan Ngụy Trung Hiền hãm hại, chết trong ngục.

Khang Hữu Vi ở Nhật lập đảng Bảo hoàng mong lật đổ Từ Hi, phò trợ Quang Tự lên cầm quyền; Lương Khải Siêu xuất bản tờ báo *Thanh Nghị* mạt sát Từ Hi.

Từ Hi xin Anh, Nhật giao Khang, Lương cho bà ta, nhưng họ không nghe, còn bảo vệ cho Khương, Lương mà họ coi là quốc sự phạm. Bà ta còn muốn bắt Quang Tự thoái vị để bà đưa một người khác lên, sai người cho dò ý công sứ các nước, họ đều phản đối. Hoa kiều ở hải ngoại đánh điện về ủng hộ Quang Tự, bà

ta càng ghét ngoại nhân đã mớm cho Trung Hoa những ý phản động : Hiến pháp, dân chủ... Đó là một nguyên nhân gây ra nạn Quyền phỉ hai năm sau. Vận của nhà Thanh đã tới lúc mạt. Mà mầm cách mạng Tân Hợi đã nhú.

2. Liên quân tám nước vào Bắc Kinh - Hòa ước 1901

Từ Hi uất hận lắm. Đã bao lần ngoại nhân cắt xẻo những khu mầu mỡ tổ tiên để lại, bà không thấy đau xót; lần này họ dám xen vào việc trị nước của bà, xúi thần dân của bà nổi loạn thì bà chịu không nổi, giận lắm, mà càng giận thì càng mất khôn : Bà tìm cách giết hết tụi “bạch quỷ” trên cội Trung Hoa.

Một cơ hội may đưa tới. Ở phía Bắc sông Dương Tử vẫn có những hội kín của nông dân : Bạch liên giáo, Bát quái giáo ngấm ngấm hoạt động. Một dư phái của Bạch Liên giáo dấy lên ở Sơn Đông tự xưng là Nghĩa Hòa Đoàn đeo bùa, đọc chú, lập đàn cầu nguyện, luyện tập côn quyền, độn ngực và bụng một lớp giấy dày : “Hai ngón tay” nói rằng có thần che chở, súng đạn không xuyên được; dân chúng rất tin. Mới đầu họ chủ trương : “Phản Thanh, phục Minh”.

Mùa thu 1898, sông Hoàng Hà vỡ đê, miền Sơn Đông lụt lớn, dân chúng đói khổ, Nghĩa Hòa Đoàn kéo nhau lên phía Bắc Kinh, Sơn Tây. Họ sống như một bọn giang hồ, mùa kiếm đấu quyền cho dân chúng xem để xin tiền độ nhật. Trước thế chiến vừa rồi, ở Nam Việt, các chợ tỉnh, chợ quận nào cũng thường thấy bọn “Sơn Đông mài võ” biểu diễn và bán vài thứ thuốc hoàn để xoa bóp, trị gãy tay, trật gân... họ to lớn lực lưỡng, biết võ, giữ được truyền thống và lối sống của tổ tiên.

Nghĩa Hòa Đoàn đi khắp tỉnh này qua tỉnh khác, thấy bọn giáo dân nhiều kẻ dựa thế cha Cố, sống no đủ, lại ức hiếp dân lành, thấy một số - dương nhân - tức người ngoại quốc - hống hách khinh thị dân Trung Hoa, nên ghét Kì Tô giáo, ghét tất cả các người da trắng, mắt xanh, mũi lõ, và đổi tên chỉ là “diệt dương, cứu giáo”. Họ tuyên truyền rằng vô tướng Quan Công (dời Tam Quốc) mà cả Trung Quốc thờ, gọi là Quan Đế, báo mộng cho họ biết tụi “dương nhân” sắp bị diệt hết, rằng có năm con rồng giữ vàm sông Đại Cổ (tức sông đưa vào Thiên Tân), tàu nào muốn vào thì sẽ bị đánh đắm liền. Dân chúng tin họ rất đông, ngay một số cụ lớn ở triều đình cũng tin họ nữa, tâu với Từ Hi; Từ Hi tự cao, tự đại, quan được bợ đỡ rồi, cũng tin nữa; triều thần có vài người sáng suốt nhưng không dám nói, sợ lưỡi tầm sét của “Phật bà”. Bà ta nghe lời tên thái giám Lý Liên Anh, lợi dụng ngay Nghĩa Hòa Đoàn, và bọn họ đổi khẩu hiệu là “phù Thanh diệt Dương”, cho họ nhiều tiền bạc lại hứa cho quân đội của triều đình hợp tác với họ để cùng nhau tận diệt bọn “bạch quỷ”.

Năm 1900, bão tố nổi lên. Bọn Nghĩa Hòa Đoàn - sử gọi là Quyền phỉ, tiếng Pháp gọi là Boxeurs - quần khăn đỏ, tìm nhà bọn giáo dân Trung Hoa giết hàng trăm mạng, đốt các nhà thờ đạo, giết giáo sĩ, bất kì cái gì của ngoại nhân sáng tạo, xây cất : Đường xe lửa, đường dây thép, máy móc, bưu điện... đều bị đập phá, thiêu hủy hết.

Phong trào lan rất mau, không sao kiểm soát được nữa. Từ Hi mừng lắm, ra lệnh “giết hết bọn dương nhân ở trong nước”. Sự giao thông giữa Bắc Kinh và Thiên Tân bị cắt đứt. Công sứ liệt cường kháng nghị với Tổng

lí nha môn; Từ Hi găng hơn nữa, sai các vương công, đại thần đem đại binh hợp với Nghĩa Hòa Đoàn vây đánh sứ quán các nước. Khi họ bác bỏ tối hậu thư và buộc họ phải ra khỏi Trung Quốc trong 24 giờ. Các sứ quán bị vây đánh trong 8 tuần lễ. Công sứ nước Đức, thư ký sứ quán nước Nhật bị giết khi đi đường. Đô đốc nước Anh đem 2.000 quân các nước từ Thiên Tân tới Bắc Kinh để cứu các sứ quán, giữa đường bị Nghĩa Hòa vây đánh, phải rút lui. Thanh đình lại xuống chiếu mộ thêm quân Cần vương, truyền hịch cách “đuổi giết ngoại nhân”.

Lý Hồng Chương, lúc đó làm tổng đốc Lương Quảng (Quảng Đông và Quảng Tây), với viên tổng đốc Hồ Quảng là Trương Chi Đông và một viên nữa, tổng đốc Lương Giang (Giang Tô, An Huy, Giang Tây) cùng nhau không tuân lệnh, phái người tới Thượng Hải cùng lãnh sự các nước giao kết bảo hộ miền Đông Nam, nhờ đó ma phạm vi chiến họa được thu hẹp.

Các sứ quán bị đánh nguy quá, tám nước Anh, Pháp, Đức, Ý, Mỹ, Nhật, Áo, Nga bèn hợp quân đội, cử tướng Đức Ven Waldersee thống lĩnh, hăm Đại Cổ rồi chiếm Thiên Tân. Các đạo quân của Thanh tan vỡ hết, một tướng Thanh tử trận, hai tướng khác tự sát. Liên quân tiến tới Bắc Kinh. Từ Hi vội vàng cải trang trốn vào Tây An; dĩ nhiên bà ta bắt Quang Tự theo bà, và trước khi đi, không quên ra lệnh giết một quý phi của Quang Tự (coi trên) chỉ vì nàng tận tình săn sóc Quang Tự khi ông bị giam ở Doanh Đài.

Quân giữ Bắc Kinh chống cự không được mấy ngày rồi đầu hàng. Liên quân vào, tha hồ cướp bóc, đốt phá,

hiếp dâm, còn tàn nhẫn hơn bọn Quyền Phỉ nhiều ⁽¹⁾. Rất nhiều bảo vật trong cung bị chúng đem đi.

Ở Hắc Long Giang, tướng Thanh đem binh đánh vào đất Nga, thua và Nga chiếm được toàn cõi Đông Tam Tỉnh.

Từ Hi phái sai Khách Thân vương và Lý Hồng Chương tới kinh cùng các nước nghị bàn. Hội nghị chưa xong thì Lý chết ⁽²⁾, một người khác thay. Mùa thu năm sau Thanh ký với 11 nước : Đức, Áo, Bỉ, Pháp, Anh, Ý, Nhật, Hà, Tây (Ban Nha) hòa ước Tân Sửu (1901) mà những khoản chính như sau :

Thanh đình phải :

- Phái Thân vương, đại thần qua Đức, Nhật tỏ ý hối tiếc.

- Trừng trị các quan đã gây ra tai họa (kể thì phải phát vãng qua Tân cương giam cầm vĩnh viễn, kể thì phải tự tử... thật oan cho họ; thủ phạm chính là Từ Hi.)

- Những nơi giết hại người ngoại quốc thì phải đình chỉ các khoa thi văn võ trong 5 năm.

- Vạch rõ ranh giới cho các sứ quán; trong khu vực ấy, sứ quán tự quản lí và được đặt quân đội để phòng thủ.

(1) “Đại úy Brinkley viết : “Người da trắng nào cũng kinh hoàng, ghê tởm khi hay tin bốn chục phụ nữ truyền giáo và hai mươi trẻ em bị bọn Quyền Phỉ giết. Nhưng riêng ở Tung chow (?) người Trung Hoa không hề chống cự, hai bên cùng không đánh nhau nữa mà 563 phụ nữ Trung Hoa trong giới quý phái đã phải tự tử vì bị quân ngoại quốc làm nhục” - Do Will Durant dẫn trong cuốn *Văn minh Trung Quốc*. Còn ở tại Bắc Kinh thì không biết mấy ngàn phụ nữ phải tự tử; nhiều gia đình đại thần già trẻ, trai gái đều tuần nạn hết.

(2) Ông ta để lại 40 triệu lạng bạc. Nhà ngoại giao đó đa tài thật.

- Triệt bỏ pháo đài Đại Cổ và 12 pháo đài nữa từ kinh sư tới biển.

- Cho các nước đóng binh ở các nơi để bảo hộ đường giao thông từ kinh sư tới biển.

- Bồi thường binh phí 450 triệu lạng bạc (trong số này, Nga được hưởng nhiều nhất : Trên 130 triệu, rồi Đức 90 triệu, Pháp 70 triệu, Anh 50 triệu, Nhật trên 34 triệu, Mĩ gần 33 triệu. Nhưng sau Mĩ không nhận, trả lại, Trung Hoa dùng số tiền đó để lập Đại Học Thanh Hoa ở Bắc Kinh và gửi sinh viên qua du học ở Mỹ).

Số 450 triệu bồi thường đó, Trung Hoa phải trả làm 40 năm, bằng thuế hải quan, thuế thương quan ở các thương khẩu, và thuế muối.

Nga vì chiếm được Đông Tam Tỉnh, nên buộc Trung Hoa phải kí một mật ước (lại mật ước nữa, Nga mấy lần rồi, kín đáo rút tĩa của Trung Hoa!) để Nga làm chủ Đông Tam Tỉnh, cho Nga làm đường xe lửa nối Lữ Thuận (Port Arthur) với đường xuyên Sibérie của Nga, khiến cho Nhật bất bình và quyết tâm sống mái với Nga. Do đó mà ba năm sau, chiến tranh Nga Nhật nổ.

Hòa ước Tân Sửu công bố rồi, lòng tin của dân đối với nhà Thanh tiêu tan hết; mà lòng sợ sệt ngoại nhân tăng lên, không dám khinh họ nữa, thế lực của địa phương mạnh lên, các tỉnh Lương Quảng, Hồ Quảng, Lương Giang nhờ không tuân lệnh triều đình như trên mà được yên ổn, do đó các tỉnh khác cũng tỏ vẻ khinh thị triều Thanh.

Kinh tế Trung Hoa do ngoại nhân nắm giữ gần hết (thuế thương chánh, thuế muối); ngoại nhân được phép đóng binh từ Bắc Kinh tới biển Đại Cổ, như vậy

là 8 mũi nhọn của tám nước kẻ sẵn trên lưng phổi của Trung Hoa rồi, nhà Thanh đâu còn quyền nữa ? Đúng là “nô lệ của ngoại nhân”.

Báo chí sách vở Trung Hoa in ở tổ tá địa Thượng Hải, Hương Cảng, Áo Môn, ủa nhau mặt sát Thanh đình, vạch tội của Từ Hi, các thân vương¹

Một thân vương khác bận triều phục, quì xuống tiếp một mũ đồng cốt, xin phù hộ cho mình! Mũ đó sau bị Lý Hồng Chương chém, tuyên truyền cho cách mạng. Từ Hi không còn uy quyền gì nữa.

3. Nhật Nga chiến tranh

Năm 1895 Nhật rất ức vì Nga đã can thiệp, bắt phải nhả mỗi ngon Liêu Đông ra nhưng thời đó chưa đủ sức chọi với Nga, Pháp, Đức nên phải nuốt hận.

Năm 1901, Nga lại chiếm Đông Tam Tỉnh rồi tranh mất Lữ Thuận (ở bán đảo Liêu Đông) của Nhật. Lần này, trên sau 30 năm duy tân, Nhật mạnh hơn nhiều, nên phải tìm cách trả thù, chuẩn bị kĩ, kết đồng minh với Anh vì Anh không ưa Nga (họ xung đột nhau về quyền lợi ở Trung Á); Nga hay được cùng kết đồng

(1) Theo Backhouse trong Les Empereurs mandchous (Payot - 1904) khi vận nhà Thanh sắp hết thì có một hiện tượng kì dị. Nhiều thân vương Mãn Châu cải trang thành ăn mày đi lang thang khắp đường phố Bắc Kinh. Một thân vương ăn bận rách rưới, mặt mũi lem luốc, không ai nhận ra được mà ngón tay đeo một chiếc nhẫn ngọc thạch giá 500 lạng bạc, ngày ngày lại ngồi bệt xuống đất trên một ngọn đồi gần Bắc Kinh, nơi tụ họp của bọn giàu có ăn chơi, ngồi suốt buổi nhìn người qua lại, chiều có một viên quan Tam phẩm đem xe hơi lại rước về cung. Trong vụ loạn Quyền Phỉ, bọn Thân vương đó bị ngoại nhân bắt làm con tin, phải kéo xe, chôn xác chết, rửa cầu tiêu, có kẻ phải đi ăn xin thật.

minh với Pháp. Mỹ thấy có thể gây ra chiến tranh được, đề nghị với Thanh khai phóng Đông Tam Tỉnh cho mọi nước thông thương, không nước nào được chiếm để cho tình hình quốc tế hòa hoãn. Thanh bằng lòng nhưng Nga không chịu.

Thế là Nhật, Nga tuyên chiến với nhau (1904). Các nước phương Tây trung lập. Trung Hoa cũng trung lập để mặc họ đánh nhau ở Liêu Đông, trên đất nước của mình, chỉ yêu cầu họ đừng phạm vào Liêu Tây (miền phía Tây sông Liêu).

Đô đốc Nhật là Đông Hương Bình Bát Lang (Togo) một mặt phái một đội cảm tử phong tỏa cảng Lữ Thuận (Port Arthur) - nơi có pháo đài rất kiên cố của Nga. Không cho hải quân Nga tự do ra vào, một mặt đem lục quân đổ bộ tiến vào Liêu Đông, đánh phía sau Lữ Thuận.

Tháng 8 năm 1904, hạm đội của Nga ở Lữ Thuận và Hải Sâm Uy cùng nhau mưu thoát vòng vây, một số bị đánh chìm, một số chạy thoát ra được Sakhaline (Khố Liệt), Yên Đài, Thượng Hải. Vậy là hạm đội Nga ở Thái Bình Dương không còn sức chiến đấu nữa. Về phía lục quân, Nga cũng đại bại ở Phụng Thiên (Moukden), mất 100.000 quân. Kế đó Nhật đem toàn lực tấn công Lữ Thuận, Nga phải đầu hàng : Non 900 tướng tá và trên hai vạn sĩ tốt bị bắt làm tù binh, Nhật chiếm được rất nhiều chiến lợi phẩm (1905)

Nga cho hạm đội biển Baltique qua đánh nữa. Vì Anh là đồng minh của Nhật, không cho họ qua kênh Suez, nên họ phải đi vòng ngả Hảo Vọng Giác, tới Ấn Độ Dương, Thái Bình Dương, nhiều chiếc xin Pháp ghé

vịnh Cam Ranh của ta để sửa chữa và lấy thêm dầu, than.

Tàu của Nga không tới tận bằng tàu Nhật, hải quân Nga lại kém tinh thần, nên khi tới eo biển Đối Mã (Toushima) ở giữa Triều Tiên và Nhật Bản) thì hải quân Nhật đã được Thiên hoàng kích thích : “Quốc gia cường thịnh hay suy vong là do trận này”, nên hết thấy đều cảm tử tấn công và đại thắng : Hạm đội Nga gồm 38 chiếc thì 35 chiếc bị Nhật đánh đắm hoặc bắt được, quân Nga tử trận 4.000, bị cầm tù 7.000 còn phía Nhật thì chỉ tử trận 16, bị thương 538.

Lúc đó một đoàn lục quân Nga theo đường xe lửa xuyên Sibérie qua nhưng Nga hoàng chán nản vì vụ đại bại ở Đối Mã, lại lo lắng về nội loạn (cách mạng Nga năm 1905), nên không ham chiến đấu nữa; Nhật tuy thắng nhưng lục quân chết cũng đã nhiều, khi tấn công Lữ Thuận, nên yêu cầu tổng thống Mỹ Roosevelt đứng làm trung gian để hai bên nghị hòa.

Tháng 9 năm 1905, hai bên kí hòa ước ở Portsmouth (Mỹ) gồm 15 khoản mà các khoản trọng yếu như sau :

- Nga nhận rằng Nhật được quyền bảo hộ nước Hàn và được tự do kinh doanh ở đó.

- Nga nhường cho Nhật quyền tô tá ở Lữ Thuận, Đại Liên.

- Nga nhường cho Nhật những đường xe lửa cùng những tài sản phụ thuộc ở miền từ Trường Xuân tới Lữ Thuận (tức miền mà Nga mới khai thác từ sau hòa ước Tân Sửu (1901)

- Nga cắt cho Nhật nửa phía Nam đảo Khố Liệt (Sakhaline)

- Cả hai bên đều đúng khi hạn triệt hết binh ở Đông Tam Tỉnh. Tất cả những đất nhường đó đều do Nga chiếm của Trung Hoa. Chung qui chỉ Trung Hoa là bị thiệt thòi và chỉ Nhật là được lợi. Sau hòa ước đó, nửa phía nam Đông Tam Tỉnh thuộc phạm vi của Nhật, nửa phía Bắc thuộc phạm vi của Nga.

Nhật không được một bồi khoản nào cả. Tài chánh kiệt quệ, nên Nhật gấp muốn nghị hòa, Nga đưa ra điều kiện nào, Nhật chấp nhận ngay chứ không đòi gì thêm.

Trận hải chiến Đối Mã làm cho cả thế giới ngạc nhiên. Ảnh hưởng của nó có phần lớn hơn ảnh hưởng của trận hải chiến Trafalgar Anh diệt hạm đội của Pháp và Y Pha Nho, đúng 100 năm trước, năm 1805. Để đánh dấu một khúc quẹo trong lịch sử hiện đại.

Nó đưa Nhật lên hàng liệt cường, Nhật thành một đế quốc có được ba đất thực dân : Đài Loan, Triều Tiên, Nam Mãn.

Ảnh hưởng của nó đối với Á Đông cực lớn. Nó làm ngưng trong một thời gian sự bành trướng của Nga ở Trung Hoa; Á Châu bắt đầu phục sinh là nhờ nó. Toàn cõi Á Châu khi nghe tin khổng lồ Nga "con gấu trắng Bắc Cực" bị "chú lùn da vàng" hạ thì nhảy múa, reo hò như chính mình đã thắng trận. Người Á có cảm tình ngay với Nhật vì Nhật đã rửa cái nhục chung của giống da vàng. Trung Hoa mong lật đổ gấp nhà Thanh để duy Tân như Nhật; Ấn Độ, Việt Nam, Miến Điện, Mã Lai... đều mơ tưởng độc lập và hai tên Minh Trị Thiên Hoàng, Y Đằng Bác Văn vang lên trong miệng các nhà ái quốc. Người ta mong nhờ Nhật giúp để đuổi người Âu ra khỏi nước, người ta đổ xô nhau qua Nhật

học. Và người Nhật tỏ ra kiêu căng, nuôi cái mộng là bá chủ Đông Á. Đảo Sakhaline, Triều Tiên, quần đảo Lưu Cầu, đảo Đài Loan thì chỉ là bước đầu, là cái vòng trong, phải mở thêm một vòng ngoài nữa gồm quần đảo Marianmes, Phi Luật Tân, Mãn Châu, Đông Trung Hoa, Sibérie, sau cùng là vòng thứ ba rộng hơn gồm trọn Trung Hoa, Việt Nam, Thái Lan, Mã Lai... Toàn thể khu mệnh mộng đó sẽ là khu Đại Đông Á của người da vàng mà Nhật làm chủ, sẽ cung cấp thực phẩm cho người Nhật, tài nguyên sản vật cho người Nhật, sẽ là một thị trường tiêu thụ các sản phẩm kỹ nghệ của Nhật. Mộng đó họ sẽ thực hiện lần lần từng bước và tin sẽ thực hiện được.

4. Thanh dự bị lập hiến mà không thực tâm

Sau hòa ước nhục nhã Tân Sửu (1901), Từ Hi bị dân chúng vạch tội, muốn mua chuộc lại lòng dân, mới chịu sửa đổi chính sách, bao nhiêu sắc lệnh biến pháp của Quang Tự mà năm 1898, bà hủy bỏ thì bây giờ thực hành hết, lại lập nhiều cơ quan mới như hội nghị chính vụ xú, thượng bộ, học bộ, luyện tân quân, chấn hưng nông, công, thương.

Khang Hữu Vi ghét Từ Hi nhưng vẫn chưa oán người Thanh, lập Đảng Bảo hoàng, hi vọng ở Quang Tự, nhưng tư tưởng ông hơi thay đổi, đòi quân chủ lập hiến; Lương Khải Siêu theo Khang xuất bản tờ *Tân Dân từng báo* để cổ súy lập hiến đối lập với tờ *Dân báo* của Đảng Cách mạng lúc ấy.

Năm 1905, dân Trung Hoa thấy Nhật theo Quân chủ lập hiến mà mạnh, thắng được Nga theo Quân chủ chuyên chế, nên càng tin ở chế độ lập hiến, và đòi Thanh đình phải lập hiến, chứ chỉ sửa đổi chính sách

(Thanh đình gọi là tên chính : Chính sách mới) chỉ duy tân thì không đủ. Ngay một số đại thần Hán trung với Thanh như Trương Chi Động, Viên Thế Khải cũng chủ trương lập hiến. Phong trào lập hiến sôi nổi trong nước, Từ Hi bất đắc dĩ phải phải năm đại thần đi Nhật, Anh, Đức để khảo sát chế độ lập hiến của ba quốc gia đó.

Năm sau họ trở về đều chủ trương lập hiến. Từ Hi xuống dụ :

“Trước hết cải cách quan chế rồi đến chính trị, khiến sĩ dân hiểu rõ quốc chính để dự bị cơ sở cho việc lập hiến, vài năm sau, xét lại tình hình, xem tiến bộ mau chóng mà định kì hạn xa gần.”

Rồi họ sửa đổi quan chế : Đặt ra Tư chính viện ở kinh sư, Tư nghị cuộc ở các tỉnh để làm cơ sở cho Quốc hội và Tỉnh nghị hội, lập thẩm kê viện, thẩm phán sảnh, ban bố Hình luật mới..., nhưng một số biện pháp không thực hành được, có danh mà không thực.

Họ lại hạ chiếu lập một nội các mới bề ngoài có vẻ tiến bộ mà sự thực chỉ là để phá nguyên tắc Mãn và Hán ngang nhau, vì trong số 12 thượng thư chỉ có 4 người là Hán (trước kia 6 bộ thì mỗi bộ có 1 người Hán, 1 người Mãn, 2 thị lang Mãn, 2 thị lang Hán), còn 8 người kia là Mãn, mà 5 người là hoàng tộc; vì vậy người Trung Hoa gọi nội các đó là nội các hoàng tộc.

Sau cùng năm 1908, họ ban bố Hiến pháp đại cương gồm 14 điều mà điều số 1 là : Hoàng đế Đại Thanh thống trị Đế Quốc Đại Thanh, nối tiếp nhau tới vạn đời, và điều số 2 là : Hoàng đế tôn nghiêm như thần, thánh, bất khả xâm phạm. Nội dung là quyền vua rất lớn, quyền dân rất ít, nghị viện chỉ là một cơ quan tư

vấn. Họ dự bị 9 năm sau mới hoàn thành hiến pháp! Rõ ràng là họ không thành tâm chút nào cả.

Trong năm đó, sau khi ban bố Hiến pháp đại cương thì Quang Tự chết trước rồi Từ Hi chết sau, chỉ cách nhau có mấy giờ. Dân chúng ngỡ rằng Từ Hi biết mình sắp chết, không muốn cho Quang Tự sống nên đầu độc Quang Tự.

Con của Thuần Thân vương (em cùng mẹ với Quang Tự) tên là Phổ Nghi, mới ba tuổi lên ngôi, hiệu là Tuyên Thống. Mẹ Phổ Nghi là thái hậu Long Dụ cũng thù liêm chính như Từ Hi, Thuần Thân vương cũng phụ chính. Long Dụ noi gương Từ Hi, cũng nắm hết quyền, xa xỉ, dâm dăng, tin dùng một tên kép hát đẹp trai, đã có hai con rồi, cho làm Thái giám, chỉ trong mấy năm tiêu 5-6 triệu lạng bạc vào việc xây cất cung điện, và sắm châu báu để làm cửa riêng.

Thanh đình còn đòi truy hủ bại hơn thời Từ Hi nữa. Hai người Hán trung với họ và có tài năng nhất là Trương Chi Động và Viên Thế Khải, thì Động đã chết, mà Khải đã bị cách chức.

Năm 1909, Tư nghị cuộc các tỉnh thành lập, đại diện của dân hai lần vào kinh xin khai Quốc hội, sinh viên Bắc Kinh và Thiên Tân bãi khóa để ủng hộ. Năm sau, Tư Chính viện ở Kinh sư cũng khai hội, thông qua thỉnh cầu ấy và cũng xin khai Quốc hội. Thanh đình phải dùng kế hoãn binh, bất đắc dĩ rút ngắn kì hạn dự bị hiến pháp từ 9 năm xuống còn 6 năm, nhân dân phản đối, Thanh đình ra lệnh đàn áp.

Sinh viên du học ở Nhật và Âu Châu biết rằng không còn hi vọng gì lập hiến được, quyết tâm lật nhà

Thanh, và chuyển qua phe Cách mạng rất đông. Phong trào cách mạng lên mạnh.

Năm 1911, phát sinh cuộc nổi loạn hỏa xa ở Tứ Xuyên. Dân Tứ Xuyên góp cổ phần để làm đường xe lửa cho tỉnh. Khi hay tin chính phủ muốn quốc hữu hóa các đường xe lửa thì các sinh viên hầu hết là con cháu thương nhân, địa chủ có cổ phần trong công ty xe lửa, cầm đầu một cuộc phản Thanh mà triều đình không dẹp được.

Tiếp theo là cuộc khởi nghĩa của dân quân ở Vũ Xương (một trong ba thị trấn của Vũ Hán ngày nay, hai thị trấn kia là Hán Dương, Hán Khẩu); ngày 10.10.1911 (19.8 năm Tân Hợi)¹; họ thành công một cách dễ dàng, bất ngờ, các tỉnh hưởng ứng, Trung Hoa Dân Quốc thành lập, vua Thanh thoái vị (năm Tuyên Thống thứ ba). Trước kia, Thái Bình Thiên Quốc trong 14 - 15 năm, dùng hàng triệu quân mà không lật đổ được nhà Thanh. Nay chỉ một nhóm quân có mấy tuần mà kết quả rực rỡ. Nhà Thanh như một trái đã chín mùi, chỉ khẽ đụng tới là rụng.

5. Nhìn lại thời quân chủ.

Tới đây chấm dứt đời Thanh dài trên 260 năm, và cũng chấm dứt chế độ quân chủ dài trên 2.000 năm, chúng ta nên ôn lại vài nét :

- Nhà Thanh.

Văn minh Trung Hoa đạt mức cao nhất ở đời Tống, mặc dầu về kinh tế và võ bị họ kém. Sau Tống thì

(1) Viết tới đây tôi nhìn lên tấm lịch, thấy đúng là ngày 19 tháng 8 Nhâm Tuất (5.10.82), sau ngày khởi nghĩa đó đúng 71 năm âm lịch, thật thú vị!

Nguyên, Minh, Thanh thì Thanh hơn cả, chế độ quân chủ bùng thịnh lên được trên một trăm năm dưới triều Khang Hi và Càn Long rồi lại lụn bại luôn.

Ở trên tôi đã xét nguyên do thành công của Mãn Thanh trong việc thống trị người Hán : Họ không quá nghi kỵ người Hán mà tôn trọng văn hóa Hán và sau đồng hóa gần hoàn toàn với người Hán, vì vậy nhiều kẻ sĩ Hán có tài năng, muốn bảo tồn văn hóa Hán, đã cứu họ trong những vụ nội loạn và ngoại ưu.

Nhưng khi đụng đầu với người phương Tây, nhờ cơ giới mà hùng cường hơn họ nhiều thì họ vừa vụng về, vừa quá tự cao tự đại mà thua nặng, đến nỗi chịu hết nhục này đến nhục khác, cắt hết đất này đến đất khác, nhường gần hết quyền lợi kinh tế, gần như mất chủ quyền nữa, thì người Hán không tin nữa, đòi họ thay đổi chính sách, duy tân như Nhật Bản. Họ vẫn ngoan cố thẳng tay đàn áp.

Chính sách đàn áp đã chẳng có hiệu quả tốt mà chỉ thúc đẩy cho cách mạng mau phát, học sử Pháp và sử Trung Hoa, ta thấy dân chúng bao giờ cũng ôn hòa, không đòi hỏi gì nhiều, bất đắc dĩ lắm mới phải kêu nài. Chính sách của triều đình Louis XVI và Từ Hi hủ bại quá, họ không chịu được nữa nên mới xin cải cách. Nếu nhà cầm quyền sáng suốt, họ đòi 10, ban cho họ độ 6-7 thì chẳng bao giờ có những cuộc đổ máu mà lại được dân chúng ngưỡng mộ, mang ơn. Nhưng nhà cầm quyền thường thủ cựu, tham lam không chịu nhả một chút quyền lợi rồi cuộc làm mất hết.

Thực may mắn cho vua chúa và đại thần Mãn Thanh không ai bị giết trong cách mạng Tân Hợi, người Hán đối với họ quả là tốt. Nhưng triều đình Mãn

Thanh sụp đổ thì dân tộc Mãn còn độ 2 triệu người ở quê hương họ là giữ được ngôn ngữ truyền thống, chẳng bao lâu cũng bị 400 triệu người Hán thu hút mà Hán hóa hết không còn quốc gia nữa. Sức mạnh của dân tộc Hán, của văn minh Hán ở đó. Dòng nước nào chảy vào Trường Giang (sông Dương Tử) cũng tan hòa với nó và chỉ làm cho nó mệnh mông hơn thôi.

Một số học giả Âu Mỹ tự hỏi tại sao Trung Hoa văn minh hơn Nhật Bản (Đời Đường, Nhật phải học Hoa), mà lại không biết duy tân sớm như Nhật, phản ứng với phương Tây một cách thông minh, mạnh mẽ như Nhật. Họ đưa ra nhiều nguyên nhân (Trung Hoa không có vô sĩ đạo, xã hội bị lí học của Tống Nho đầu độc...), tôi tóm tắt lại dưới đây ba nguyên nhân chính :

- Đất đai Trung Hoa lớn quá, hai ba chục năm sau chiến tranh nha phiến, Anh, Pháp mới chỉ chiếm được mười thương khẩu ở ngoài, còn những miền Tây (Tứ Xuyên), Tây Nam (Quý Châu, Vân Nam), họ chưa đặt chân tới. Sau có nhiều nước theo gót Anh, Pháp nhưng họ gồm nhau, không nước nào đủ sức gạt những nước kia mà chiếm trọn Trung Hoa như Anh ở Ấn Độ được, nên sự phản ứng của Trung Hoa cũng không toàn diện.

- Tinh thần dân tộc quốc gia của người Hán và người Mãn còn thấp : Họ không cho người da trắng là kẻ thù chung, không cho sự xâm nhập của da trắng là nguy hại, nên không đoàn kết với nhau để chống da trắng, mà còn nhờ da trắng giúp để trợ diệt lẫn nhau nữa : Thanh đình, Tăng Quốc Phiến, Lí Hồng Chương... xin Anh Pháp giúp để diệt Thái Bình Thiên Quốc, Hồng Tú Toàn cũng dễ nghị nhượng ít quyền lợi cho

Anh Mĩ để họ dùng giúp Mãn Thanh... Tầng lớp lãnh đạo cách mạng như vậy, còn nông dân thì không có chủ trương gì cả, chỉ cần được yên ổn làm ăn, và phe nào mạnh thì theo.

- Giới sĩ phu và địa chủ xét chung có tinh thần dân tộc cao, nhưng trừ một số ít ở miền Đông Nam tiếp xúc với văn minh phương Tây, có óc tân tiến còn thì rất thủ cựu, mà lại tự phụ, không chịu duy tân, y như các nhà Nho của ta thời Tự Đức. Họ quen với nếp suy tư, nếp sống từ hai ngàn năm trước rồi, ngại sự thay đổi mạnh mẽ. Vì vậy mà mãi tới sau khi thua Nhật nhục nhã ở Triều Tiên (1895), phong trào duy tân của Khang, Lương mới được một số người hưởng ứng, và tới hòa ước Tân Sửu (1901) có nguy cơ mất nước, nó mới lan rộng hơn. Nhưng thực sự cải cách mạnh thì phải đợi hai chục năm sau, khi có một lớp thanh niên Âu hóa khá đông đứng ra lãnh đạo. Lớp người đó có thể ví với giai cấp Bourgeois của phương Tây (coi phần sau).

Chế độ quân chủ của Trung Hoa.

Người Âu thế kỷ XVIII khen Trung Hoa có tinh thần dân chủ trong chính sách tuyển quan lại bằng thi cử, có tinh thần khoan dung về tôn giáo, nên không có chiến tranh tôn giáo như họ, khen Hoàng đế Trung Hoa như Khang Hi vừa giỏi trị dân, sáng suốt vừa hiếu học, vừa tìm hiểu khoa học phương Tây, mà lại làm nhiều thơ văn nữa. Những điều đó đúng cả. Nhưng có người (Voltaire?) còn bảo chế độ quân chủ của Trung Hoa tốt đẹp hơn chế độ quân chủ của Pháp Anh, đáng làm kiểu mẫu. Lời khen này quá đáng. Họ chỉ được

đọc những báo cáo, bút ký, sách của Dòng Tên rất có cảm tình với Trung Hoa nên không thấy được sự thực.

Will Durant trong cuốn *Bài Học của lịch sử* (The Lessons of History, New Yorks, 1968) để kết thúc bộ *Lịch Sử Văn Minh* viết :

“Xét toàn thể thì chế độ quân chủ đã thành công một cách trung bình chứ không hơn. Tính cách liên tục - cũng gọi là “chính thống” của nó có lợi bao nhiêu thì những chiến tranh kế tiếp do nó gây ra cũng có hại cho nhân loại bấy nhiêu. Khi ngôi vua mà cha truyền con nối thì hạng vua ngu độn, vô trách nhiệm, cuồng bạo, lạm dụng quyền hành để cất nhắc người thân thích nhiều hơn hạng minh quân tâm hồn cao thượng hoặc có tài chính trị. Người ta thường đưa vua Louis XIV (Pháp) làm gương cho các ông vua cận đại, nhưng khi ông băng thì dân Pháp mừng rỡ...”.

Lời phán đoán của Durant ôn hòa, ai cũng nhận là đúng. Ông xét chung chế độ quân chủ trong lịch sử nhân loại. Tôi thấy chế độ quân chủ Trung Hoa thành công nhất định là kém Anh, Nhật, có lẽ kém cả Pháp, Đức nữa, nghĩa là chưa đạt được mức trung bình.

Ở Âu, con gái được hưởng gia tài của cha mẹ. Một ông vua, nước Áo chẳng hạn cưới một công chúa nước Anh, công chúa này được hưởng một vương quốc hay một công quốc của cha ở Ý Pha Nho thế chồng. Vua Áo, đồng thời có thể làm vua vương quốc hay công quốc của vợ ở Ý Pha Nho, mà thần dân vương quốc hay công quốc đó thành thần dân của ông, đất đai của ông hóa rộng quá làm mất thế quân bình lực lượng ở Âu và một nước Pháp có thể xúi dân Ý Pha Nho nổi lên chống ông, hoặc liên kết với Anh, Bồ Đào Nha để chống ông,

mà gây nên những chiến tranh kế vị tai hại cho người Âu.

Trung Hoa không có tục đó, nên sự kế vị tranh giành ngôi báu chỉ gây những cuộc nổi loạn trong hoàng tộc, cung đình, hại cho hoàng tộc hoặc nhiều lắm là cho dân Trung Hoa thôi. Nhưng tránh được cái vạ đó, thì lại bị cái vạ ngoại thích.

Tệ nhất là vua Trung Hoa tha hồ muốn tuyển bao nhiêu cung phi cũng được như các vua Á Rập do đó sinh ra cái tệ hoạn quan mà phương Tây không có.

Đạo Khổng hạn chế quyền của vua bằng nhiều biện pháp : Dùng tế tướng quyền gần ngang vua, dùng gián quan, sử quan để can vua, nhắc vua một cách gián tiếp đừng quên bốn phận của mình, nhưng không có hiệu quả bao nhiêu, cho nên Hoàng Tôn Hi mật sát chung các vua là “chỉ nghĩ đến tư lợi, li tán con trai con gái của thiên hạ, cướp giết sản nghiệp của thiên hạ để giữ làm của riêng, truyền lại cho con cháu”, rồi ông đề nghị phải bắt vua chia quyền với tế tướng, phải hạn chế số quý phi, cung tần của vua, số hoạn quan. Ông đáng là môn đồ của Mạnh tử.

Từ Hán đến Thanh, mỗi triều đại lớn có từ chín, mười đến trên hai chục ông vua, mà triều đại nào cũng chỉ được hai hay ba ông vua giỏi, vài ba ông nữa tạm được, còn toàn là bọn dâm loạn, tàn bạo, xa xỉ, nếu không phải là bọn bệnh hoạn, ngu xuẩn, nhu nhược để cho bọn hoạn quan xỏ mũi. Xét chung thì kết quả ở dưới mức trung bình xa.

Suốt hai ngàn năm như vậy, đời sau cứ nối theo vết xe của đời trước, hoặc muốn tránh mà tránh không

được. Xã hội Trung Hoa về phương diện đó, thật ổn định, gần như không thay đổi gì cả, như một cái ao tù.

Về kinh tế họ theo truyền thống từ đời Chu chỉ trọng nông - nông mới là gốc - không khuyến khích công, mà còn ỨC THƯƠNG NỮA, mặc dầu họ có câu "phi thương bất phú". Cho nên công, thương của họ không phát đạt lớn được như các nước Âu Tây.

Dân chúng chỉ trông vào nghề nông, mà nghề này không đủ nuôi dân, vì đất cày cấy được của họ ít, chỉ có hai cánh đồng lớn của Hoàng Hà và Dương Tử Giang, còn lại là những cánh đồng nhỏ xen vào miền đồi núi. Đã vậy họ bị cái nạn lụt của Hoàng Hà (trung bình cứ 4 năm vỡ đê một lần, lớn thì hằng triệu người, nhỏ thì hàng vạn người chết đói) và nạn hạn hán ở phương Bắc, nhiều khi hai ba năm liền. Họ nghèo hơn ta nữa, nghèo vào hạng nhất thế giới.

Bổn phận của nhà cầm quyền là phải nuôi dân mà nuôi không nổi. Dân nghèo không nuôi nổi vợ con, phải bán vợ đẻ con, và khi đã có ba bốn đứa con rồi thì có thêm con gái, họ bóp mũi, gìm nước cho chết hoặc bỏ lên bờ rãnh, trong khu rừng.

Nạn đó trong 2.000 năm cũng không sao giải quyết được. Triều đại nào mới lên cũng nghĩ ngay việc chia đất cho dân nghèo, nhưng không có biện pháp nào che chở họ, nên chỉ khoảng nửa thế kỷ sau, đầu lại vào đó, ruộng vào tay các điền chủ, quan lớn hoặc thầy chùa, đa số nông dân lại hóa ra vô sản, làm thuê làm mướn, hoặc cầu bơ cầu bắt, cùng khổ quá thì đi ăn cướp, nổi loạn. Dân tộc Trung Hoa nổi tiếng là có nhiều cuộc nông dân bạo động chính là vì vậy. Cuối cùng thế nào cũng có một cuộc bạo động thành công, viên thủ lãnh lập một triều đình mới, rồi lịch sử lại tiếp tục

như cũ : Thịnh được ít lâu rồi suy, loạn, mất ngôi. Cứ như thế suốt hai ngàn năm cũng không có cách nào giải quyết được : Những cuộc cách mạng của Vương Mãn, Vương An Thạch đều thất bại.

Dân nghèo thì quốc gia cũng nghèo. Thuế thu vào không được bao nhiêu. Thời Chu, thuế ruộng chỉ vào khoảng 10% số thu hoạch, các đời sau, có khi thu tới 30%, 50%, nhưng cao quá thì dân trốn thuế, bọn giàu có lại càng giỏi trốn thuế. Thuế thu được ít triều đình tất phải ăn hối lộ, ăn cắp của công, thời nào cũng vậy, nước nào cũng vậy. Do đó, nạn tham nhũng thành một luật tự nhiên, một luật kinh tế. Ông quan nào ăn hối lộ ít thôi thì được coi là thanh liêm. Như vậy là triều đình bắt dân phải nộp một thứ thuế vô danh để nuôi quan lại.

Triều đình không làm tròn nhiệm vụ trong việc nuôi dân, mà cũng không có cách nào diệt được nạn ngoại xâm của các dân du mục phương Bắc và phương Tây.

Từ đời Hán, đế quốc đã mệnh mông quá, khó giữ được cả chục ngàn cây số biên giới. Hán Võ Đế dẹp được nhiều bộ lạc, thu phục được một số bộ lạc nữa, dân du mục phải lùi, nhưng khi nhà Hán suy thì họ lại lần lần thâm nhập vào đất Hán (thời Nam Bắc triều); đời Đường đẩy lui được họ, trong vài trăm năm, rồi khi suy, lại bị họ chiếm một phần ở phương Bắc; qua đời Tống, họ mạnh lên, chiếm được trọn phương Bắc, người Hán phải lùi xuống phương Nam, tới đời Nguyên thì họ chiếm trọn Trung Quốc trong suốt trăm năm đời Minh may mắn tự chủ được hai trăm rưỡi năm, nhưng sau đó, người Hán lại bị rợ Mãn Châu tràn ách vào cổ trên 250 năm. Như vậy mới đầu họ

yếu, sau mạnh dần, Trung Quốc không dùng võ lực mà trị họ được. Có một đế quốc rộng quá thì điều đứng như vậy.

Về phương diện đó, chính quyền quân chủ - có thời rất chuyên chế như đời Minh, nhà Thanh đỡ hơn, cũng chỉ “thành công” dưới mức trung bình thôi : Non ba trăm rưỡi năm hoàn toàn mất chủ quyền và non 500 năm mất một nửa đất đai. Chỉ nhờ văn hóa của Trung Hoa cao hơn các rợ du mục nhiều, nên đồng hóa họ được, hậu quả bất ngờ là mở mang thêm được non sông, tăng thêm được số dân. Trung Hoa như con phượng hoàng (Phénix) trong huyền thoại phương Tây, cứ mỗi lần chết thì lại phục sinh từ đám tro tàn của nó, mà hóa đẹp đẻ thêm. Công về văn hóa đó là của đời Thương, đời Chu các vua chúa thời quân chủ chỉ bảo tồn và phát huy nó thôi.

Đọc sử thời quân chủ của Trung Hoa, tôi buồn cho dân tộc đó thông minh, giỏi tổ chức mà không diệt được cái họa ngoại thích và hoạn quan gây biết bao thống khổ cho dân chúng đời này qua đời khác. Nhưng tôi cũng trọng họ, mến họ vì triều đại nào cũng có hàng ngàn hàng vạn người coi cái chết nhẹ như lông hồng, tuần tiết vì nước chứ không chịu nhục, và những thời triều đình “vô đạo” thì vô số kẻ sĩ coi công danh, phú quý như dép cỏ, kiếm nơi non xanh nước biếc dắt vợ con theo, cây lấy ruộng mà ăn, đào lấy giếng mà uống, sống một đời thanh khiết, làm thơ, vẽ để tiêu khiển, hoặc trừ tác về triết, sử, tuồng, tiểu thuyết để lưu lại hậu thế. Đọc đời các vị đó tôi luôn luôn thấy tâm hồn nhẹ nhàng. Chưa có một bộ sử nào của Tây phương cho tôi được cảm tưởng đó.